

CHI TIẾT CỦA BỘ ĐỀ THI

Tên Bộ Đề Thi: qn

Môn học : NGUYEN LY CO BAN_NEW

Thời gian thi : 60

Giáo viên soạn đề : (đã duyệt và ký tên)

Số câu hỏi : 300

Ngày soạn đề : 21/09/2012 (NVKT: admin)

Câu 1: Lênin đã bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong bối cảnh lịch sử mới là:

- A. Chủ nghĩa tư bản đã phát triển sang một giai đoạn mới là giai đoạn chủ nghĩa đế quốc.
- B. Tại các nước thuộc địa, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc tạo nên sự thống nhất giữa cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản, giữa nhân dân các nước thuộc địa với giai cấp công nhân ở chính quốc.
- C. Những trào lưu tư tưởng như chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa xét lại, v.v... đã mang danh nghĩa đổi mới chủ nghĩa Mác để xuyên tạc và phủ nhận chủ nghĩa Mác nhằm bảo vệ địa vị và lợi ích của giai cấp tư sản.
-  D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 2: Vai trò của Chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc đem lại những thành quả lớn lao cho sự nghiệp vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội?

- A. Đưa ra biện pháp cụ thể.
- B. Vạch ra những nhiệm vụ và biện pháp đúng đắn.
- C. Tổ chức cho các lực lượng tiến bộ và nhân dân lao động thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.
-  D. Vai trò định hướng tư tưởng.

Câu 3: Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc tự nhiên của ý thức:

-  A. Thế giới khách quan; Bộ não người và cơ chế phản ánh.
- B. Hệ thần kinh trung ương.
- C. Bộ não người và lao động.
- D. Lao động và ngôn ngữ.

Câu 4: Nếu tiếp cận kết cấu của ý thức theo chiều sâu nội tâm, thì ý thức bao gồm những yếu tố nào?

- A. Tình cảm, ý chí, lí trí.
-  B. Tự ý thức, tiềm thức, vô thức.
- C. Cảm giác, tri giác, biểu tượng.
- D. Khái niệm, phán đoán, suy luận.

Câu 5: Những triết gia nào được coi là khởi đầu và hoàn thiện phép biện chứng duy tâm trong triết học cổ điển Đức?

-  A. Cantor và Hêghen
- B. Ăngghen và Cantor
- C. Phoi-ơ-bắc và Hêghen
- D. C.Mác và Ph.Ăngghen

Câu 6: Khái niệm dùng để chỉ sự quy định, sự tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng, hay giữa các mặt, các yếu tố của mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới là:

- A. Nguyên nhân
- B. Kết quả

-  C. Mối liên hệ
- D. Chuyển hóa

Câu 7: Vận dụng quan điểm nào vào thực tiễn cách mạng, Đảng ta xác định: “để thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, một mặt, chúng ta phải phát huy nội lực của đất nước ta; mặt khác, phải biết tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách do xu hướng quốc tế hóa mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và toàn cầu hóa kinh tế đưa lại”?

-  A. Quan điểm toàn diện
- B. Quan điểm lịch sử - cụ thể
- C. Quan điểm phát triển
- D. Quan điểm khách quan

Câu 8: Phạm trù nào dùng để chỉ một sự vật, một hiện tượng, một quá trình nhất định?

-  A. Cái riêng.
- B. Cái đơn nhất.
- C. Cái chung.
- D. Cả a và b đúng.

Câu 9: Tính chất nào của chân lý chỉ tính độc lập về nội dung phản ánh của nó đối với ý chí chủ quan của con người; nội dung của tri thức phải phù hợp với thực tế khách quan chứ không phải ngược lại?

-  A. Tính khách quan.
- B. Tính tương đối.
- C. Tính tuyệt đối.
- D. Tính cụ thể.

Câu 10: Quy luật nào là quy luật về khuynh hướng cơ bản, phổ biến của mọi vận động, phát triển diễn ra trong các lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy?

- A. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập;
- B. Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại;
-  C. Quy luật phủ định của phủ định.
- D. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

Câu 11: Vì sao ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại hội?

-  A. Vì ý thức xã hội chỉ có thể biến đổi sau khi có sự biến đổi của tồn tại xã hội.
- B. Vì ý thức xã hội có thể tác động trở lại tồn tại xã hội.
- C. Vì ý thức xã hội là một hiện tượng khách quan.
- D. Vì ý thức xã hội có sự bảo thủ trì trệ trong quá trình tồn tại.

Câu 12: Cần phải hiểu ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội như thế nào?

-  A. Tư tưởng của con người, đặc biệt những tư tưởng khoa học tiên tiến có thể vượt trước sự phát triển của tồn tại xã hội, dự báo được tương lai và có tác dụng tổ chức, chỉ đạo hoạt động thực tiễn của con người
- B. Tư tưởng con người có thể tạo ra dạng tồn tại xã hội vượt trước thời đại.
- C. Tư tưởng của con người luôn đi trước thời đại.
- D. Tư tưởng của con người trong một số trường hợp quyết định tồn tại xã hội,

Câu 13: Vận dụng quan điểm duy vật mác-xít về “tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội”, ta cần:

- A. Giải thích các hiện tượng tinh thần của xã hội căn cứ vào tồn tại xã hội đã làm nảy sinh ra nó.
- B. Giải thích các hiện tượng tinh thần xã hội từ những phương diện khác nhau thuộc nội dung tính độc lập tương đối của chúng.
- C. Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới cần phải được tiến hành đồng thời trên cả hai mặt tồn tại xã hội và ý thức xã hội.



D. Bao gồm a, b, c.

Câu 14: Trên lĩnh vực xã hội, hoạt động nào là cơ sở chủ yếu nhất cho sự ra đời chủ nghĩa Mác? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản
- B. Sự phát triển của các ngành khoa học xã hội



- C. Thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân
- D. Bao gồm ba hoạt động trên

Câu 15: Tiền đề lý luận cho sự ra đời chủ nghĩa Mác: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Triết học cổ điển Đức; Kinh tế chính trị cổ điển Anh; Chủ nghĩa xã hội Không tưởng - phê phán Pháp.
- B. Phong trào khai sáng Pháp; Cơ học cổ điển I.Niu-ơn; lý luận về chủ nghĩa vô chính phủ của Pru-đông.
- C. Thuyết tương đối (A.Anh-xtanh); Phân tâm học (S.Phơ-rớt); Logic học của Hê-ghen.
- D. Thuyết tiến hóa (S.Đác-uyn); Học thuyết bảo toàn và chuyển hóa năng lượng (R. Maye); Học thuyết tế bào (R.Hooke. Sơ-lay-đen và T.Sa-van-sơ).

Câu 16: Đặc điểm chính trị của thế giới những năm cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Toàn cầu hoá.
-  B. Chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa Đế quốc và thường xuyên tiến hành những cuộc chiến tranh giành thuộc địa.
- C. CNTB Tổ chức cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II để phân chia thị trường thế giới.
- D. Ba đáp án trên đều sai.

Câu 17: Quan điểm của CNDV về mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức.
- B. Ý thức có trước, sinh ra và quyết định vật chất.
- C. Không thể xác định vật chất và ý thức cái nào có trước cái nào, cái nào sinh ra cái nào và quyết định cái nào.
- D. Vật chất và ý thức cùng xuất hiện đồng thời và có sự tác động qua lại ngang nhau.

Câu 18: Về thực chất, chủ nghĩa nhị nguyên triết học có cùng bản chất với hệ thống triết lý nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa xét lại triết học.
- C. Chủ nghĩa hoài nghi
- D. Chủ nghĩa tương đối.

Câu 19: Nguồn gốc ra đời của CNDT? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sự tuyệt đối hóa vai trò của ý thức.
- B. Xem xét phiến diện, tuyệt đối hóa, thần thánh hóa một mặt, một đặc tính nào đó của quá trình nhận thức mang tính biện chứng của con người.
- C. Tuyệt đối hóa vai trò của lao động trí óc của giai cấp thống trị.



- D. Do cả ba nguyên nhân trên.

Câu 20: Trong lịch sử, chủ nghĩa duy tâm có những hình thức cơ bản nào?

- A. Chủ nghĩa hoài nghi và thuyết bất khả tri
-  B. Chủ nghĩa tâm chủ quan và chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- C. Chủ nghĩa duy linh và thần học.
- D. Chủ nghĩa thực chứng và chủ nghĩa thực dụng.

Câu 21: Thế giới như một cỗ máy cơ giới khổng lồ mà mỗi bộ phận tạo nên nó luôn ở trong trạng thái biệt lập, tĩnh tại; nếu có biến đổi thì đó chỉ là sự tăng, giảm đơn thuần về lượng và do những nguyên nhân bên ngoài gây nên, là quan niệm của khuynh hướng triết học nào?

- A. Chủ nghĩa duy vật duy lý.
- B. Chủ nghĩa duy vật duy cảm
- C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
-  D. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 22: Sai lầm của chủ nghĩa duy tâm nói chung về phạm trù vật chất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Xem vật chất là sản phẩm của tinh thần tuyệt đối; ý niệm tuyệt đối;...
- B. Xem vật chất là sản phẩm của ý thức chủ quan, của các trạng thái tâm lý, tình cảm...
- C. Xem vật chất là kết quả của các giá trị tinh thần.
-  D. Cả ba quan niệm trên.

Câu 23: Lênin đưa ra định nghĩa về vật chất : “Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong ... , được ... của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào ...”. Hãy chọn từ điền vào chỗ trống để hoàn thiện nội dung của định nghĩa nêu trên:

- A. Ý thức
-  B. Cảm giác
- C. Nhận thức
- D. Tư tưởng

Câu 24: Tính chất của vận động theo quan điểm của triết học Mác-Lênin? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Vận động là sự tự thân vận động. Vận động không thể bị mất đi và cũng không do ai sáng tạo ra. Sự vận động của vật chất được bảo toàn về lượng lẫn về chất.
- B. Vận động là sự biến đổi do một tác động nào đó. Khi không còn tác động sự vận động cũng chấm dứt.
- C. Là sự dịch chuyển vị trí trong không gian và thời gian do một lực hoặc một động năng tác động, sự vận động bao giờ cũng có vận tốc và gia tốc.
- D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 25: Hình thức nào là hình thức vận động đa dạng, phức tạp nhất trong thế giới vật chất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Xã hội.
- B. Các phản ứng hạt nhân.
- C. Sự tiến hóa các loài.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 26: Luận điểm nào dưới đây là sai lầm khi nói về mối quan hệ giữa các hình thức vận động? (Đáp án nào dưới đây là sai)

- A. Các hình thức vận động là khác nhau về chất.
- B. Các hình thức vận động cao xuất hiện trên cơ sở các hình thức vận động thấp và bao hàm trong nó những hình thức vận

động thấp hơn. Các hình thức vận động thấp không bao hàm các hình thức vận động cao hơn.

C. Trong sự tồn tại của mình, mỗi sự vật đều có thể gắn liền với nhiều hình thức vận động khác nhau nhưng bao giờ cũng có một hình thức đặc trưng cho bản chất của mình



D. Các hình thức vận động là độc lập nhau, tuân theo những qui luật riêng có của mình

Câu 27: Bằng việc phân loại các hình thức vận động cơ bản, Ph. Ăngghen đã đặt cơ sở gì cho khoa học?



A. Việc phân loại, phân ngành, hợp loại, hợp ngành khoa học.

B. Xác định tính chất của các ngành khoa học.

C. Xác định mục đích của khoa học

D. Xác định ý nghĩa xã hội của khoa học.

Câu 28: Mọi dạng cụ thể của vật chất đều tồn tại ở một vị trí nhất định, có một quảng tính (chiều cao, chiều rộng, chiều dài) nhất định và tồn tại trong các mối tương quan nhất định (trước hay sau, trên hay dưới, bên phải hay bên trái, v.v...) với những dạng vật chất khác. Những hình thức tồn tại như vậy được gọi là gì?

A. Mối liên hệ



B. Không gian.

C. Thời gian

D. Vận động

Câu 29: Sự tồn tại của sự vật còn được thể hiện ở quá trình biến đổi: nhanh hay chậm, kế tiếp và chuyển hoá, v.v... Những hình thức tồn tại như vậy được gọi là gì?



A. Thời gian.

B. Không gian

C. Quảng tính

D. Vận động

Câu 30: Theo Đề-mô-crit thì ý thức con người có cấu tạo từ yếu tố nào?(Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Tự nhiên.

B. Nguyên tử.



C. Một loại nguyên tử đặc biệt.

D. Một loại lửa đặc biệt.

Câu 31: Đây là sự phản ánh có tính chủ động lựa chọn thông tin, xử lý thông tin để tạo ra những thông tin mới, phát hiện ý nghĩa của thông tin. Sự phản ánh năng động, sáng tạo này được gọi là?

A. Khoa học.



B. Ý thức.

C. Lý tính.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 32: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, sự đối lập giữa vật chất và ý thức chỉ có ý nghĩa tuyệt đối trong phạm vi nào?

A. Xã hội.



B. Lý luận.

C. Đấu tranh tư tưởng.

D. Kinh tế.

Câu 33: Quan điểm của triết học Mác-Lênin về bản chất của ý thức: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Bản chất của ý thức con người là sự sáng tạo.
-  B. Ý thức là sự phản ánh năng động, sáng tạo lại hiện thực theo nhu cầu của thực tiễn xã hội.
- C. Ý thức mang bản chất trực giác.
- D. Ý thức có bản chất là tư duy.

Câu 34: Ý thức có thể tác động đối với đời sống thông qua hoạt động nào của con người?

- A. Sản xuất vật chất
- B. Chính trị xã hội
- C. Thực nghiệm khoa học
-  D. Bao gồm ba đáp án trên

Câu 35: Người sáng lập tư tưởng biện chứng trong triết học ở Hy Lạp thời cổ đại: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Pla-ton.
- B. A-ri-stốt.
-  C. Hê-ra-clít.
- D. Ê-pi-quya.

Câu 36: Sai lầm cơ bản của phép biện chứng trong triết học cổ điển Đức? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Xem sự vận động của thế giới là kết quả của sự vận động của tinh thần.
- B. Thượng đế là người điều khiển mọi quá trình vận động và phát triển của thế giới.
- C. Phép biện chứng là nghệ thuật tranh luận, biện luận và chứng minh.
- D. Là khoa học về mối liên hệ phổ biến và sự phát triển của thế giới khách quan.

Câu 37: Theo quan điểm của triết học Mác- Lênin, mối liên hệ chủ yếu là gì?

- A. Mối liên hệ xuyên suốt quá trình vận động của sự vật hiện tượng.
-  B. Mối liên hệ cơ bản nhưng chỉ trong những phạm vi không gian, thời gian, điều kiện môi trường nhất định.
- C. Mối liên hệ tất yếu khách quan.
- D. Bao gồm cả ba đáp án trên

Câu 38: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin thì khi nào cái chung chuyển hóa thành cái đơn nhất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Khi cái chung bị thoái hóa dần dần.
- B. Khi cái chung phù hợp với sự vận động và phát triển của sự vật hiện tượng.
-  C. Khi cái chung không phù hợp với sự vận động và phát triển của sự vật hiện tượng.
- D. Khi cái chung có những đột biến.

Câu 39: Quan hệ nào dưới đây có thể minh họa cho sự tác động trở của kết quả đối với nguyên nhân? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Sấm sét - mưa.
-  B. Kinh tế – giáo dục.
- C. Năng – hạn.
- D. Cả ba đáp án trên.

Câu 40: Nguyên nhân cơ bản nào dẫn đến sự khốn cùng của giai cấp công nhân trong chế độ TBCN?

- A. Giá cả hàng hoá sinh hoạt quá đắt đỏ
- B. Sự hà khắc của nhà nước tư bản
-  C. Sự bóc lột giá trị thặng dư của giai cấp tư sản
- D. Điều kiện sống quá thấp.

Câu 41: Điền vào chỗ trống (.....) cụm từ thích hợp:

"Tất nhiên là cái do những bên trong của kết cấu vật chất nhất định và trong những điều kiện nhất định nó phải xảy ra như thế này chứ không thể như thế khác được" (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Yếu tố cơ bản.
- B. Nhân tố cơ bản.
-  C. Nguyên nhân cơ bản.
- D. Điều kiện cơ bản.

Câu 42: Định nghĩa phạm trù nội dung theo quan điểm của triết học Mác-Lênin: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật
- B. Tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định bên trong sự vật, qui định sự vận động và phát triển của sự vật
- C. Phạm trù triết học dùng để chỉ tính qui định khách quan vốn có, là sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính là cho sự vật là nó chứ không phải là cái khác
- D. Phương thức tồn tại và phát triển của sự vật, là hệ thống các mối liên hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố của sự vật đó

Câu 43: Trong một phương thức sản xuất thì yếu tố nào được xem là hình thức của lực lượng sản xuất?

- A. Nghề nghiệp
- B. Cơ sở hạ tầng
- C. Kết cấu hạ tầng
-  D. Quan hệ sản xuất

Câu 44: Theo triết học Mác-Lênin phạm trù nào dùng để chỉ những gì chưa có, nhưng sẽ có, sẽ tới khi có các điều kiện tương ứng? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Cơ hội
-  B. Khả năng
- C. Tiềm năng
- D. Tưởng tượng

Câu 45: Quy luật nào vạch ra phương thức của sự vận động, phát triển?

- A. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập;
-  B. Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại;
- C. Quy luật phủ định của phủ định;
- D. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất.

Câu 46: Phạm trù chất theo quan điểm của triết học Mác-Lênin: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo thành nên sự vật.
- B. Tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định bên trong sự vật, qui định sự vận động và phát triển của sự vật.

-  C. Một phạm trù triết học dùng để chỉ tính qui định khách quan vốn có của sự vật, là sự thống nhất hữu cơ của những thuộc tính làm cho sự vật nó là nó chứ không phải là cái khác.
- D. Những tính chất, những trạng thái, những yếu tố tạo thành sự vật.

Câu 47: Điền vào chỗ trống cụm từ sao cho phù hợp:

"Lượng là một phạm trù triết học dùng để chỉ vốn có của sự vật về mặt số lượng, qui mô, trình độ, nhịp điệu của sự vận động và phát triển cũng như các thuộc tính của sự vật" (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Thuộc tính.

-  B. Tính qui định khách quan.

C. Mối quan hệ.

D. Tên gọi.

Câu 48: Phạm trù nào của triết học Mác-Lênin dùng để chỉ khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng của sự vật chưa làm thay đổi căn bản chất của sự vật ? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Độ.

B. Điểm nút.

C. Đứng im.

D. Phát triển.

Câu 49: Bài học có ý nghĩa phương pháp luận trong hoạt động thực tiễn khi tìm hiểu quy luật lượng - chất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Ta phải từng bước tích lũy về lượng để làm biến đổi về chất theo quy luật.

B. Bằng hoạt động có ý thức nắm bắt được quy luật khách quan mà ta có thể rút ngắn quá trình tích tụ về lượng để đạt kết quả mong muốn; vận dụng linh hoạt các hình thức bước nhảy trong các tình huống lịch sử cụ thể.

C. Muốn duy trì một trạng thái hiện thực nào đó ta cần nắm bắt được giới hạn của độ, không để sự thay đổi của lượng vượt quá ngưỡng của độ.

-  D. Cả ba bài học trên.

Câu 50: Điền vào chỗ trống cụm từ sao cho phù hợp:

"Mặt đối lập là những mặt có những đặc điểm, những thuộc tính, những quy định có khuynh hướng vận động và biến đổi tồn tại một cách khách quan bên trong các sự vật hiện tượng từ tự nhiên, xã hội và tư duy" (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Khác nhau.

-  B. Trái ngược nhau.

C. Độc lập với nhau.

D. Gắn bó với nhau.

Câu 51: Khái niệm đấu tranh giữa các mặt đối lập theo quan niệm của triết học Mác-Lênin là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Sự tác động theo xu hướng bài trừ và phủ định lẫn nhau giữa các mặt đối lập.

B. Sự tác động giữa các mặt đó.

C. Sự tác động theo xu hướng bài trừ và phủ định lẫn nhau giữa các mặt của các sự vật hiện tượng.

D. Sự tác động lẫn nhau của tất cả các mặt trong cùng một sự vật hiện tượng.

Câu 52: Mâu thuẫn biện chứng là gì? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

-  A. Trạng thái mà ở đó bao hàm cả hai trạng thái vừa thống nhất vừa đấu tranh của các mặt đối lập.

B. Là trạng thái dùng để chỉ sự thống nhất của các mặt đối lập.

C. Là trạng thái dùng để chỉ sự đấu tranh của các mặt đối lập.

D. Là trạng thái dùng để chỉ sự thống nhất và đấu tranh của các sự vật hiện tượng.

Câu 53: Quy luật nào vạch ra nguồn gốc, động lực của sự vận động và phát triển?

A. Quy luật phủ định của phủ định

B. Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại

C. Quy luật về mối liên hệ biện chứng giữa tự nhiên và xã hội

 D. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

Câu 54: Theo quan điểm siêu hình thì sự phủ định là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Sự thay thế sự vật này bằng sự vật khác trong quá trình vận động và phát triển.

 B. Xóa bỏ hoàn toàn cái cũ, chấm dứt sự phát triển của chúng.

C. Sự phủ định là tiền đề, điều kiện cho sự phát triển liên tục, cho sự ra đời của cái mới thay thế cái cũ.

D. Sự phủ định là sự phủ định tự thân, sự phát triển tự thân, là mắt khâu dẫn tới sự ra đời sự vật mới.

Câu 55: Phủ định biện chứng là :

A. Sự thay thế cái cũ bằng cái mới

B. Phủ định làm cho sự vật vận động thụt lùi, đi xuống, tan rã, nó không tạo điều kiện cho sự phát triển

 C. Sự phủ định có kế thừa và tạo điều kiện cho sự phát triển tiếp theo

D. Tất cả các câu đều sai

Câu 56: Những đặc trưng cơ bản của phủ định biện chứng? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Liên tục và vô tận.

B. Khách quan và biện chứng.

 C. Khách quan và kế thừa.

D. Tự thân, phong phú, đa dạng và phức tạp.

Câu 57: Theo quan niệm của triết học Mác- Lênin, xu hướng của sự phát triển được mô phỏng như thế nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Đường thẳng tiến lên.

B. Đường dao động hình sin

 C. Xoáy tròn ốc.

D. Đường tròn khép kín.

Câu 58: Quan niệm của triết học Mác- Lênin về cái kế thừa ? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

 A. Cái cũ còn tồn tại trong cái mới nhưng phù hợp với qui luật vận động và phát triển của cái mới.

B. Cái cũ còn tồn tại trong cái mới, sau một quá trình điều chỉnh hoàn thiện để trở thành cái mới.

C. Cái kế thừa là những giá trị, những thuộc tính của cái cũ còn tồn tại trong cái mới, cùng với cái mới phát triển.

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 59: Theo quan niệm của triết học Mác- Lênin, thực tiễn là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Toàn bộ những hoạt động nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

B. Toàn bộ những hoạt động có ý thức của con người.

C. Toàn bộ những hoạt động ý thức của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

 D. Toàn bộ những hoạt động vật chất, mang tính lịch sử – xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

Câu 60: Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, tính cụ thể của chân lý là gì?

A. Sự đúng đắn của chân lý là cụ thể

B. Sự phản ánh chân thực về một đối tượng hiện thực khách quan cụ thể.

 C. Là đặc tính gắn liền và phù hợp giữa nội dung phản ánh với một đối tượng nhất định cùng các điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, cụ thể.

D. Cả ba đều đúng

Câu 61: Trong thời đại ngày nay, nhân tố nào khi trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp thì sẽ có một vai trò ngày càng quan trọng? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Nhà nước.

B. Chính trị.

 C. Khoa học và công nghệ hiện đại.

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 62: Trong các mặt của quan hệ sản xuất thì quan hệ nào là quan hệ xuất phát, quan hệ cơ bản, quan hệ đặc trưng? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

 A. Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất.

B. Quan hệ tổ chức, quản lý sản xuất.

C. Quan hệ phân phối sản phẩm sản xuất ra.

D. Bao gồm đáp án a và c.

Câu 63: Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thể hiện năng lực gì của con người? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Trình độ nhận thức thế giới khách quan

B. Trình độ lý luận chính trị xã hội

 C. Trình độ chinh phục tự nhiên

D. Trình độ tự ý thức về bản thân

Câu 64: Định nghĩa kiến trúc thượng tầng theo quan điểm của triết học Mác- Lênin: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Toàn bộ những quan điểm về qui hoạch đô thị, tương ứng với các công trình đã tồn tại và được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định.

B. Toàn bộ những quan điểm kinh tế - chính trị, cùng với những tổ chức xã hội tương ứng như cơ quan, công ty, xí nghiệp, nhà máy... được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định.

 C. Toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... cùng với những thiết chế xã hội tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể xã hội... được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định.

D. Toàn bộ những lý luận chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật.

Câu 65: Đảng và nhà nước ta đã vận dụng học thuyết hình thái kinh tế-xã hội vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước như thế nào?

A. Tiến lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, nhưng vẫn xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.

B. Kết hợp sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa với xây dựng CNXH.

C. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội.

 D. Bao gồm cả a, b, c

Câu 66: Nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, về thực chất là bỏ qua nội dung gì?

A. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa

-  B. Sự thống trị về giai cấp của giai cấp tư sản trong hai lĩnh vực kinh tế và chính trị
- C. Nền văn minh TBCN
- D. Bao gồm ba đáp án trên

Câu 67: Trong tồn tại xã hội thì yếu tố nào là quan trọng và quyết định nhất? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Điều kiện tự nhiên – hoàn cảnh địa lý.
- B. Dân số và mật độ dân số.
- C. Quan hệ sản xuất.
-  D. Phương thức sản xuất.

Câu 68: Ý thức xã hội là sự phản ánh về?(Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Giới tự nhiên, xã hội và tư duy.
- B. Hiện thực khách quan.
-  C. Tồn tại xã hội.
- D. Hoạt động sản xuất vật chất.

Câu 69: Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội biểu hiện ở: (đáp án nào dưới đây là sai)

- A. Ý thức xã hội thường lạc hậu hoặc có thể vượt trước tồn tại xã hội. Sự phát triển của ý thức xã hội có tính kế thừa từ những hình thái ý thức xã hội có trước trong lịch sử.
- B. Các hình thái ý thức xã hội có sự tác động qua lại lẫn nhau và có tác động trở lại đối với tồn tại xã hội
- C. Một số hình thái ý thức xã hội có thể tạo nên một hình thức tồn tại xã hội đặc thù trong lịch sử.
-  D. Bao gồm ba đáp án trên

Câu 70: Theo quan điểm của triết học Mác -Lênin, Ý thức chính trị là gì? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Ý thức về quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội giữa các giai cấp dân tộc và nhà nước.
- B. Biểu hiện thái độ của các giai cấp đối với quyền lực của nhà nước.
- C. Biểu hiện tập trung trực tiếp lợi ích giai cấp
-  D. Cả ba đáp án trên.

Câu 71: Về cơ bản, ý thức pháp quyền phản ánh trực tiếp yếu tố gì của đời sống xã hội?

-  A. Quan hệ sản xuất
- B. Chính trị
- C. Đạo đức
- D. Triết học

Câu 72: Theo quan điểm của triết học Mác -Lênin , hình thái ý thức nào là những quan niệm xuất hiện trong những mối quan hệ giữa người với người trong xã hội: về thiện- ác, tốt- xấu, lương tâm, trách nhiệm, công bằng, hạnh phúc... Và các qui tắc đánh giá, điều chỉnh hành vi ứng xử giữa các cá nhân với nhau và với xã hội ? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

- A. Chính trị.
- B. Pháp quyền.
-  C. Đạo đức.
- D. Bao gồm các đáp án trên.

Câu 73: Sự tác động của ý thức chính trị và pháp quyền đối với các hình thái ý thức xã hội khác và với tồn tại xã hội thông qua quyền lực nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Sức mạnh của sự tuyên truyền.



B. Quyền lực của nhà nước.

C. Quyền lực của kinh tế.

D. Quyền lực của người đứng đầu nhà nước.

Câu 74: Quan điểm của triết học Mác -Lênin về nguồn gốc trực tiếp hình thành giai cấp: (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Khác nhau về nghề nghiệp

B. Sự phát triển của lực lượng sản xuất



C. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất

D. Cả ba đáp án trên

Câu 75: Trong bất kỳ xã hội nào, bên cạnh các giai cấp cơ bản cũng tồn tại một tầng lớp dân cư có vai trò quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa... họ là ai?

A. Tầng lớp chính trị gia

B. Tầng lớp tu sĩ

C. Tầng lớp nghệ sĩ



D. Tầng lớp trí thức

Câu 76: Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng vì nó giải quyết được mâu thuẫn cơ bản nào? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)



A. Nó giải quyết được sự xung đột giữa lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất lạc hậu, thực hiện bước quá độ từ chế độ xã hội lỗi thời sang chế độ xã hội mới cao hơn

B. Đấu tranh giai cấp phát triển thành cách mạng xã hội thì mọi mặt của đời sống xã hội phát triển với một nhịp độ chưa từng thấy"một ngày bằng hai mươi năm"

C. Đấu tranh giai cấp còn góp phần cải tạo giai cấp cách mạng, phát triển trên các lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, nghệ thuật

D. Cả ba đáp án trên.

Câu 77: Quan niệm của triết học Mác-Lênin về bản chất con người? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Con người là một thực thể thống nhất giữa mặt sinh vật với mặt xã hội.

B. Trong tính hiện thực của nó con người là tổng hòa những quan hệ xã hội trên nền tảng sinh học.

C. Con người là chủ thể và là sản phẩm của lịch sử.



D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 78: Quan điểm tiến bộ và cách mạng nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề con người là? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Giải thích được nguồn gốc tự nhiên và xã hội của con người dưới ánh sáng khoa học

B. Mô tả được quá trình hoạt động sống và lao động sản xuất của con người theo tinh thần của chủ nghĩa duy vật.



C. Đưa ra được học thuyết cách mạng và triệt để về đấu tranh giải phóng con người.

D. Giải thích được một cách khoa học nguồn gốc của ý thức của con người.

Câu 79: Vai trò của lãnh tụ đối với phong trào của quần chúng nhân dân? (Đáp án nào dưới đây là đúng nhất?)

A. Thúc đẩy hoặc kìm hãm sự tiến bộ của xã hội.

B. Là người sáng lập ra các tổ chức chính trị, xã hội và là linh hồn của các tổ chức đó.

C. Lãnh tụ của mỗi thời đại chỉ có thể hoàn thành những nhiệm vụ đặt ra của thời đại đó.

D. Bao gồm ba đáp án trên.



Câu 80: Những điều kiện ra đời của nền sản xuất hàng hóa?

- A. Do nhu cầu tiêu dùng của con người gia tăng.
- B. Do của cải vật chất của xã hội dư thừa.
-  C. Có sự phân công lao động xã hội, chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và nền sản xuất trao đổi phát triển.
- D. Xuất hiện nền đại công nghiệp cơ khí.

Câu 81: Nền kinh tế hàng hóa phát triển qua những giai đoạn nào?

- A. Kinh tế hàng hóa giản đơn, kinh tế thị trường hiện đại
- B. Kinh tế thị trường hỗn hợp, kinh tế thị trường tự do
- C. Kinh tế hàng hóa giản đơn, kinh tế thị trường tự do
-  D. Kinh tế hàng hóa giản đơn, kinh tế thị trường

Câu 82: Giá trị hàng hóa được tạo ra từ đâu?



- A. Từ sản xuất
- B. Từ trao đổi
- C. Từ phân phối
- D. Cả a, b, c

Câu 83: Lượng giá trị của hàng hóa được đo bằng ?

- A. Đại lượng cố định
-  B. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa
- C. Mức hao phí lao động xã hội trung bình để sản xuất ra hàng hóa
- D. Cả 3 câu trên

Câu 84: Thời gian lao động xã hội cần thiết của một hàng hóa A thường được xác định bằng:



- A. Thời gian lao động từng ngành sản xuất lượng hàng hóa trên thị trường.
-  B. Thời gian lao động cá biệt của nhà sản xuất cung cấp đại bộ phận hàng hóa A trên thị trường
- C. Thời gian lao động của từng người để làm ra hàng hóa của họ.
- D. Tất cả các phương án trên đều sai.

Câu 85: Lao động được hiểu là ?



- A. Khả năng của lao động
-  B. Hoạt động có mục đích của con người để tạo ra của cải
- C. Thể lực và trí lực của con người được sử dụng trong quá trình lao động
- D. Cả a, b và c

Câu 86: Nguồn gốc của tiền là ?

- A. Do mua bán, trao đổi quốc tế
- B. Do nhà nước phát hành
- C. Do nhu cầu mua bán

 D. Do nhu cầu của sản xuất và trao đổi hàng hóa

Câu 87: Những hình thức cơ bản của tiền là :

- A. Tiền giấy
- B. Tiền séc
- C. Trái phiếu chính phủ

 D. Gồm cả a, b, c

Câu 88: Giá cả của hàng hóa được quyết định bởi:

- A. Tình trạng độc quyền
- B. Sức mua của tiền
- C. Cung , cầu

 D. Giá trị hàng hóa

Câu 89: Sự tác động của cung và cầu làm cho:

- A. Giá cả < hơn giá trị
- B. Giá cả > hơn giá trị

 C. Giá cả vận động xoay quanh giá trị

D. Giá cả = giá trị

Câu 90: Quan hệ giữa giá cả và giá trị của hàng hóa là :

- A. Giá trị là cơ sở của giá cả, là yếu tố quyết định của giá cả
- B. Giá cả là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị
- C. Giá cả còn chịu ảnh hưởng của cung – cầu, giá trị của tiền

 D. Cả 3 câu trên

Câu 91: Đặc trưng của thuộc tính giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động:

- A. Là nguồn gốc của giá trị thặng dư.
- B. Là quá trình lao động.
- C. Thoả mãn nhu cầu của người lao động.

 D. Tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó.

Câu 92: Thuộc tính giá trị hàng hoá sức lao động được đo bằng :

 A. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất sức lao động.

- B. Chỉ gồm những giá trị tư liệu sinh hoạt đủ nuôi sống công nhân.
- C. Chỉ gồm những giá trị tư liệu sinh hoạt đủ nuôi sống gia đình công nhân.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 93: Giá trị thặng dư là:

 A. Phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người công nhân làm thuê tạo ra

- B. Giá trị của tư bản tự tăng lên
- C. Lợi nhuận thu được của người sản xuất kinh doanh

D. Hiệu số giữa giá trị hàng hóa với chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa

Câu 94: Hình thức nào không phải biểu hiện của giá trị thặng dư?



- A. Tiền lương
- B. Lợi tức
- C. Địa tô
- D. Lợi nhuận

Câu 95: Tư bản bất biến:

- A. Hình thức tồn tại là máy móc, thiết bị, nhà xưởng, nguyên nhiên vật liệu
- B. Ký hiệu là C
- C. Chuyển nguyên vẹn giá trị vào sản phẩm



D. Tất cả đều đúng

Câu 96: Phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến nhằm:



- A. Xác định vai trò bộ phận tư bản nào sáng tạo ra giá trị thặng dư.
- B. Xác định thời gian chu chuyển của từng loại tư bản.
- C. Thu hồi giá trị của từng bộ phận tư bản.
- D. Tất cả đều đúng

Câu 97: Tư bản khả biến là:

- A. Là v
- B. Công nhân tiêu dùng vào mục đích cá nhân
- C. Tồn tại dưới hình thức tiền lương



D. Tất cả đều đúng

Câu 98: Tỷ suất giá trị thặng dư là:

- A. Tỷ lệ % giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến
- B. Tỷ lệ thời gian lao động cần thiết và thời gian lao động thặng dư
- C. m'.



D. Tất cả các phương án trên đều đúng

Câu 99: Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối:

- A. Sử dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý
- B. Kéo dài thời gian lao động tất yếu
- C. Tiết kiệm chi phí sản xuất



D. Kéo dài thời gian của ngày lao động, còn thời gian lao động tất yếu không thay đổi

Câu 100: Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối:

- A. Kéo dài thời gian lao động tất yếu
- B. Độ dài của ngày lao động thay đổi



C. Hạ thấp giá trị sức lao động

D. Cả 3 câu trên

Câu 101: Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư siêu ngạch là :

-  A. Do tăng năng suất lao động cá biệt
- B. Do tăng năng suất lao động của từng người
- C. Do tăng năng suất lao động ngành
- D. Do tăng năng suất lao động xã hội

Câu 102: Căn cứ vào đâu để phân chia thành tái sản xuất cá biệt và tái sản xuất xã hội?

-  A. Căn cứ vào phạm vi sản xuất
- B. Căn cứ vào nội dung sản xuất
- C. Căn cứ vào tính chất sản xuất
- D. Căn cứ vào tốc độ sản xuất

Câu 103: Tích lũy tư bản là :

-  A. Biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm
- B. Tích lũy tiền cho nhà tư bản
- C. Qui mô tư bản càng lớn
- D. Tất cả đều sai

Câu 104: Tập trung tư bản là :

- A. Làm tăng quy mô của tư bản cá biệt và tư bản xã hội
- B. Làm tăng quy mô của tư bản cá biệt, tư bản xã hội giảm
-  C. Sự hợp nhất một số tư bản nhỏ thành một tư bản cá biệt lớn
- D. Cả a, b, c đều sai

Câu 105: Tích tụ tư bản là :

- A. Sự hợp nhất một số tư bản nhỏ thành một tư bản cá biệt lớn
- B. Làm tăng quy mô của tư bản cá biệt, tư bản xã hội giảm
-  C. Làm tăng quy mô của tư bản cá biệt và tư bản xã hội
- D. Sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt, tư bản xã hội như cũ

Câu 106: Lợi nhuận là :

-  A. Hình thái chuyển hoá của giá trị thặng dư.
- B. Chênh lệch giữa giá trị hàng hoá và chi phí tư bản khả biến
- C. Tiền công kinh doanh của các nhà tư bản.
- D. Do việc mua bán, lưu thông tạo ra.

Câu 107: Giá trị thặng dư siêu ngạch là?

- A. Giá trị thặng dư siêu ngạch là phần giá trị thặng dư thu được do áp dụng công nghệ mới làm cho giá trị cá biệt của hàng hoá thấp hơn giá trị thị trường của nó.
- B. Giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối vì chúng đều dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động.
- C. Giá trị thặng dư siêu ngạch là động lực trực tiếp, mạnh nhất thúc đẩy các nhà tư bản cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất, hoàn thiện tổ chức lao động và tổ chức sản xuất để tăng năng suất lao động giảm giá trị của hàng hoá.

 D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 108: Lợi nhuận thương nghiệp là?

-  A. Một phần của giá trị thặng dư được sáng tạo ra trong lĩnh vực sản xuất mà nhà tư bản công nghiệp nhượng lại cho nhà tư bản thương nghiệp, để tư bản thương nghiệp bán hàng cho mình.
- B. Do nhà tư bản thương nghiệp bán hàng với một giá cả cao hơn giá thị trường.
- C. Do nhà tư bản thương nghiệp kiếm được người bán hàng giá thấp hơn giá thị trường.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 109: Tư bản cho vay là?

-  A. Tư bản tiền tệ tạm thời nhàn rỗi mà người chủ của nó cho người khác sử dụng trong một thời gian nhất định để nhận được số tiền lời nào đó.
- B. Lượng giá trị của một nhà tư bản này cho nhà tư bản sử dụng để sản xuất và nhận về một khoản giá trị thặng dư nào đó.
- C. Là số tiền mà người mua hàng trả góp cho nhà tư bản trong một định kỳ nhất định.
- D. Là lợi tức thu được nhờ sử dụng một lượng tư bản tiền tệ nhàn rỗi cho nhà tư bản khác vay mượn.

Câu 110: Những đặc điểm của tư bản giả?

- A. Có thể mang lại thu nhập cho người sở hữu nó.
- B. Có thể mua bán được.
- C. Sự tăng hay giảm giá mua bán của nó trên thị trường không cần có sự thay đổi tương ứng của tư bản thật.

 D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 111: Trong hình thức tổ chức độc quyền Các-ten, các nhà tư bản tham gia vãn độc lập về:

A. Tổ chức và quản lý.

 B. Sản xuất và thương nghiệp.

C. Thuế quan mậu dịch.

D. Tiêu chuẩn đo lường chất lượng hàng hóa.

Câu 112: Mục đích của hình thức độc quyền xanh-đi-ca là?

-  A. Thống nhất đầu mối mua và bán để mua nguyên liệu với giá rẻ, bán hàng hoá với giá đắt nhằm thu lợi nhuận độc quyền cao.
- B. Ký hiệp nghị thoả thuận với nhau về giá cả, quy mô sản lượng, thị trường tiêu thụ, kỳ hạn thanh toán...
- C. Loại trừ các đối thủ cạnh tranh trong một ngành sản xuất.
- D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 113: Các chủ thể tham gia vào công-xoóc-xi-om liên quan với nhau về nội dung gì?

A. Ngành nghề sản xuất.

 B. Kinh tế và kỹ thuật .

C. Đặc điểm chính trị.

D. Cả ba đáp án đều sai.

Câu 114: Quá trình nào là nguyên nhân cho sự hình thành tư bản tài chính?

A. Lượng tiền trong lưu thông hàng hóa quá lớn.

B. Xuất hiện một số nhà tư bản tồn trữ một lượng tài sản tiền tệ rất lớn.

-  C. Quá trình tích tụ và tập trung trong công nghiệp dẫn đến tích tụ và tập trung tư bản trong ngân hàng, làm cho hai loại tư bản này dung hợp và thâm nhập lẫn nhau.
- D. Bao gồm cả ba đáp án trên

Câu 115: Những hạn chế của chủ nghĩa tư bản?

- A. Làm tăng mâu thuẫn giữa các nước chậm phát triển bị lệ thuộc với những nước đế quốc.
- B. Sự bất bình đẳng và các tệ nạn xã hội vẫn tồn tại một cách phổ biến, sự suy đồi về văn hóa, đạo đức ngày càng trầm trọng.
- C. Phân cực giàu nghèo và tình trạng bất công xã hội tăng lên.
-  D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 116: Đóng góp quan trọng nhất của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển chung về kinh tế - xã hội?

- A. Duy trì và phát triển chế độ tư hữu lên đỉnh cao.
-  B. Thúc đẩy trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- C. Xây dựng nhà nước pháp quyền tư sản để quản lý xã hội.
- D. Thúc đẩy nền khoa học của nhân loại phát triển nhanh chóng.

Câu 117: Nguyên nhân ra đời của CNTB độc quyền là:

- A. Do cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động
- B. Do sự can thiệp của nhà nước tư sản
-  C. Do sự tập trung sản xuất dưới tác động của cách mạng khoa học công nghệ
- D. Cả a, b và c

Câu 118: Chủ nghĩa tư bản độc quyền là :

-  A. Giai đoạn phát triển cao của Chủ nghĩa tư bản
- B. Một Phương thức sản xuất
- C. Một hình thái kinh tế xã hội
- D. Cả a, b, c đều sai

Câu 119: Mối quan hệ giữa độc quyền và cạnh tranh là :

-  A. Làm cho cạnh tranh gay gắt hơn
- B. Thủ tiêu cạnh tranh
- C. Cạnh tranh giảm đi
- D. Các phương án trên đều sai

Câu 120: Xuất khẩu tư bản là :

- A. Xuất khẩu khoa học công nghệ.
- B. Xuất khẩu lao động
- C. Xuất khẩu hàng hóa
-  D. Đầu tư tư bản ra nước ngoài

Câu 121: Xuất khẩu hàng hóa là:

- A. Đưa hàng hóa ra nước ngoài
- B. Đưa hàng hóa ra bán ở nước ngoài để thực hiện giá trị



- C. Xuất khẩu giá trị ra nước ngoài
- D. Cả a, b và c

Câu 122: Vì sao trong CNTB độc quyền cạnh tranh không bị thủ tiêu?



- A. Vì tổ chức độc quyền cạnh tranh với các công ty ngoài độc quyền
- B. Vì các tổ chức độc quyền cạnh tranh với nhau
- C. Vì cạnh tranh là quy luật khách quan của kinh tế hàng hóa
- D. Vì xí nghiệp trong nội bộ tổ chức độc quyền cạnh tranh với nhau

Câu 123: Trong giai đoạn CNTB độc quyền có những hình thức cạnh tranh nào?



- A. Cạnh tranh giữa tổ chức độc quyền với xí nghiệp ngoài độc quyền
- B. Cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền với nhau
- C. Cạnh tranh trong nội bộ tổ chức độc quyền
- D. Cả a, b và c

Câu 124: C.Mác và Ph.Ăngghen đã dựa vào những phát kiến nào để xây dựng luận chứng về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?



- A. CNXH không tưởng phê phán
- B. Chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư
- C. Triết học cổ điển Đức và kinh tế chính trị học cổ điển Anh
- D. Cả a, b và c

Câu 125: Xét về phương thức lao động, phương thức sản xuất, giai cấp công nhân mang thuộc tính cơ bản nào?



- A. Có số lượng đông nhất trong dân cư
- B. Là giai cấp tạo ra của cải vật chất làm giàu cho xã hội chủ nghĩa
- C. Là giai cấp trực tiếp vận hành máy móc có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại.
- D. Cả a, b và c

Câu 126: Xét trong quan hệ sản xuất TBCN giai cấp công nhân là:



- A. Giai cấp nghèo khổ nhất
- B. Giai cấp không có tư liệu sản xuất, đi làm thuê cho nhà tư bản, bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư
- C. Giai cấp có số lượng đông trong dân cư
- D. Cả a, b và c đều đúng

Câu 127: Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là:



- A. Xóa bỏ chế độ TBCN, xóa bỏ chế độ người bóc lột người
- B. Giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột nghèo nàn lạc hậu.
- C. Xây dựng xã hội CSCN văn minh
- D. Cả a, b và c đều đúng

Câu 128: Quy luật chung hình thành Đảng cộng sản, đảng của giai cấp công nhân là:

- A. Chủ nghĩa Mác kết hợp với phong trào công nhân

-  B. Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân
- C. Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước
- D. Cả a, b và c

Câu 129: Quy luật hình thành và phát triển của ĐCS VN

- A. Chủ nghĩa Mác, Tư tưởng Hồ Chí Minh và phong trào công nhân
- B. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và phong trào công nhân
-  C. Chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam
- D. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phong trào công nhân và phong trào yêu nước

Câu 130: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của :

- A. Giai cấp công nhân Việt Nam.
- B. Nhân dân lao động.
-  C. Giai cấp công nhân, NDLD và của dân tộc Việt Nam.
- D. Của tầng lớp trí thức Việt Nam.

Câu 131: Bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện ở :

- A. Số lượng đảng viên trong Đảng.
- B. Trình độ đảng viên trong Đảng.
-  C. Nền tảng lý luận, mục tiêu, đường lối, nguyên tắc tổ chức của Đảng.
- D. Cả a, b, c đều đúng.

Câu 132: Những đặc trưng của giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa tư bản?

- A. Là những người không có tư liệu sản xuất (chủ yếu), phải làm thuê, bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống và bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư.
- B. Có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản.
- C. Là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để, có tinh thần quốc tế, tinh thần đoàn kết giai cấp và có tính tổ chức kỷ luật cao. Có hệ tư tưởng riêng của giai cấp của mình là chủ nghĩa Mác-Lênin và có Đảng tiên phong của giai cấp của mình đó là Đảng Cộng sản.
-  D. Cả ba đặc điểm trên.

Câu 133: Đặc trưng của giai cấp công nhân hiện đại?

- A. Họ không chỉ bao gồm những người lao động làm thuê (ở các nước tư bản) mà một bộ phận không nhỏ trở thành làm chủ, nắm quyền lãnh đạo xã hội (ở các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa)
- B. Họ không chỉ bao gồm những người lao động chân tay, trực tiếp điều khiển máy móc cơ khí mà còn là những người lao động sản xuất với trình độ trí tuệ cao (công nhân - trí thức) nghiên cứu sáng chế.
- C. Họ không chỉ là những người lao động công nghiệp trực tiếp tạo sản phẩm cho xã hội mà còn là những người lao động trong lĩnh vực dịch vụ công nghiệp, lao động của họ gắn liền với sản xuất công nghiệp, có tính chất công nghiệp.
-  D. Bao gồm cả ba đặc trưng trên.

Câu 134: Nội dung cơ bản mà giai cấp công nhân phải thực hiện trong sứ mệnh lịch sử của mình là ...

- A. Tổ chức ra quân đội để triệt để xóa bỏ mọi âm mưu khôi phục lại chính quyền của chế độ cũ.
- B. Thực hiện việc thu hồi các cơ sở kinh tế của chế độ cũ để ngăn chặn sự phục hồi chế độ tư hữu.
- C. Thiết lập các quan hệ ban giao với các nước phe xã hội chủ nghĩa để được viện trợ về kinh tế.
-  D. Thông qua Đảng tiên phong, giai cấp công nhân lãnh đạo và tổ chức nhân dân xây dựng và bảo vệ chính quyền, bảo vệ đất nước. Đồng thời tổ chức xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực của đời sống, đề từng

bước hình thành xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa trên thực tế ở mỗi nước và trên toàn thế giới.

Câu 135: Những nhân tố chủ quan cơ bản nào để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình?

A. Bản thân giai cấp công nhân phải trưởng thành về mặt số lượng cũng như về mặt chất lượng: có trình độ văn hóa, khoa học công nghệ, tay nghề ngày càng cao; giác ngộ về chủ nghĩa Mác-Lênin; có lập trường giai cấp vững vàng; thực sự đi đầu trong quá trình sản xuất hiện đại, xây dựng và bảo vệ CNXH.

B. Đảng tiên phong của giai cấp công nhân (Đảng Cộng sản) phải luôn luôn được xây dựng, củng cố, phát triển, vững vàng về chính trị (đường lối cách mạng), về tư tưởng (chủ nghĩa Mác-Lênin) và về tổ chức

C. Giai cấp công nhân và Đảng của nó phải là trung tâm đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, có ý chí, nhận thức và hành động phải thống nhất.



D. Cả ba nhân tố trên.

Câu 136: Điền từ vào chỗ trống : “Vấn đềnhất định là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng”.

A. Chính đảng

B. Kinh tế



C. Chính quyền

D. Lực lượng cách mạng.

Câu 137: Nguyên nhân sâu xa của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:



A. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

B. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất

C. Do sự phát triển của giai cấp công nhân

D. Giai cấp tư sản đã trở thành giai cấp phản động

Câu 138: Điều kiện chủ quan có vai trò quyết định nhất của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa

A. Mâu thuẫn giữa lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

B. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản.



C. Sự trưởng thành của giai cấp CN, đặc biệt khi nó đã có đảng tiên phong lãnh đạo.

D. Giai cấp CN, liên minh được với giai cấp ND

Câu 139: Điều kiện để thực hiện sự chuyển biến từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới lên cách mạng xã hội chủ nghĩa là gì?

A. Đảng Cộng sản giữ vai trò lãnh đạo.

B. Liên minh công - nông được củng cố và tăng cường.

C. Chính quyền của công nhân và nông dân được thiết lập chuyển lên làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản



D. Cả a, b và c

Câu 140: Ai là người đầu tiên đưa ra khái niệm cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới?

A. C. Mác

B. Ph.Ăngghen

C. C.Mác và Ph.Ăngghen



D. V.I.Lênin

Câu 141: Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa?

A. Toàn thể dân tộc.

B. Lực lượng cách mạng trong nước và ngoài nước

-  C. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.
- D. Lực lượng đồng minh.

Câu 142: Nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực chính trị?

- A. Xây dựng nền dân chủ chân chính.
- B. Thiết lập nhà nước của giai cấp công nhân.
-  C. Đưa quần chúng nhân dân lao động từ địa vị nô lệ, bị áp bức, bóc lột trở thành những người làm chủ nhà nước làm chủ xã hội.
- D. Xác lập quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với toàn xã hội, thông qua hoạt động của nhà nước XHCN.

Câu 143: Nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế?

- A. Thực hiện triệt để việc cải tạo các cơ sở kinh tế của chế độ cũ.
- B. Thực hiện việc hội nhập kinh tế với các nước trên thế giới để tận dụng các cơ hội phát triển kinh tế. Tăng cường đầu tư nước ngoài để thu hút vốn và công nghệ hiện đại. tích cực giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
- C. Khai thác triệt để các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong nước để thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phát triển kinh tế. Khẳng định ưu thế của phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa trên bình diện quốc tế.
-  D. Thay đổi vị trí vai trò của người lao động đối với tư liệu sản xuất, thay đổi chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN bằng chế độ sở hữu XHCN với những hình thức thích hợp. Phát huy tính tích cực sáng tạo của người lao động, tích cực áp dụng những thành tựu của khoa học công nghệ để nâng cao năng suất lao động

Câu 144: Nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng?

- A. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các giá trị văn hóa truyền thống
- B. Tiếp thu các giá trị văn hóa tiên tiến của thời đại
- C. Thực hiện trang bị hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống tinh thần của quần chúng nhân dân lao động. Từng bước xây dựng thế giới quan và nhân sinh quan cộng sản cho người lao động, hình thành con người mới XHCN
-  D. Cả ba nội dung trên.

Câu 145: Trong quá trình xây dựng CNXH, liên minh giữa giai cấp CN, giai cấp ND và tầng lớp trí thức dưới góc độ nào giữ vai trò quyết định?

- A. Chính trị
-  B. Kinh tế
- C. Văn hoá
- D. Tư tưởng.

Câu 146: Trong cách mạng XHCN lập trường chính trị của liên minh công, nông, trí thức được xác định bởi lập trường chính trị của giai cấp nào?

-  A. Giai cấp công nhân.
- B. Giai cấp nông dân.
- C. Tầng lớp trí thức.
- D. Của cả ba giai cấp trên.

Câu 147: Cấu trúc cơ bản của một hình thái kinh tế - xã hội là:

- A. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
-  B. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng.
- C. Cơ sở kinh tế và thể chế Nhà nước.
- D. Cả a, b và c

Câu 148: Có mấy hình thức quá độ lên CNXH?



- A. Hai
- B. Ba
- C. Bốn
- D. Cả a, b và c

Câu 149: Hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa bắt đầu và kết thúc khi nào?

- A. Từ khi ĐCS ra đời và xây dựng xong CNXH.



- B. Bắt đầu từ thời kỳ quá độ lên CNXH cho đến khi xây dựng xong giai đoạn cao của xã hội cộng sản.
- C. Bắt đầu từ giai đoạn cao của xã hội cộng sản và kết thúc ở giai đoạn cao của xã hội cộng sản
- D. Cả 3 đều không đúng

Câu 150: Thời kỳ quá độ lên CNXH ở trên phạm vi cả nước ở nước ta bắt đầu từ khi nào?

- A. 1945



- B. 1975
- C. 1954
- D. 1930

Câu 151: Tại sao cho rằng con đường cách mạng Việt Nam là quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là một tất yếu?

- A. ĐCSVN đã có đường lối đúng đắn

- B. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất



- C. Vì nó phù hợp với đặc điểm của đất nước và xu thế phát triển của thời đại
- D. Vì nó đáp ứng được nguyện vọng và mong ước của nhân dân ta

Câu 152: Tại sao việc phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm xuyên suốt trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay?

- A. Đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại.

- B. Nâng Việt Nam lên ngang tầm với các nước trên thế giới.

- C. Đoàn tuyệt với nền kinh tế tiểu nông lạc hậu.



- D. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Câu 153: Dân chủ là gì ?



- A. Là quyền lực thuộc về nhân dân
- B. Là quyền của con người
- C. Là quyền tự do của mỗi người
- D. Là trật tự xã hội

Câu 154: Tư tưởng dân chủ xuất hiện khi nào ?

- A. Ngay từ khi có xã hội loài người.

- B. Khi có nhà nước vô sản .



- C. Khi có nhà nước
- D. Cả a, b và c

Câu 155: Điền từ vào chỗ trống :

“Từ khi có chế độ dân chủ, thì dân chủ luôn luôn với tư cách là một phạm trù lịch sử, ...”.

- A. Phạm trù tiến bộ.
- B. Chế độ tốt đẹp.
-  C. Phạm trù chính trị.
- D. Tư tưởng đúng đắn.

Câu 156: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “ Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ, nhân dân có quyền lợi, thì phải có.....làm tròn bốn phận công dân” (HCM)

- A. Trách nhiệm
- B. Trình độ để
-  C. Nghĩa vụ
- D. Khả năng để

Câu 157: Bản chất chính trị của nền dân chủ XHCN thể hiện như thế nào?

-  A. Là sự lãnh đạo của giai cấp CN thông qua Đảng của nó đối với toàn XH, để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể NDLD, trong đó có giai cấp CN.
- B. Là thực hiện quyền lực của giai cấp CN và nhân dân lao động đối với toàn XH.
- C. Là sự lãnh đạo của giai cấp CN thông qua chính đảng của nó để cải tạo XH cũ và xây dựng XH mới
- D. Cả a,b,c

Câu 158: Sự khác biệt cơ bản của nền dân chủ XHCN với các nền dân chủ của các XH có phân chia giai cấp trong lịch sử nhân loại?

-  A. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của số đông, của tất cả quần chúng nhân dân lao động trong XH.
- B. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ có tổ chức đảng cộng sản lãnh đạo.
- C. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ được thực thi bằng luật pháp nhân dân.
- D. Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ phi giai cấp.

Câu 159: Đối mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay là:

- A. Đối mới mục tiêu, con đường XHCN
-  B. Đối mới nội dung, phương hướng hoạt động, tổ chức cán bộ và quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị.
- C. Thay đổi hệ thống tư duy lý luận.
- D. Bao gồm ba đáp án trên

Câu 160: Tổ chức nào đóng vai trò trụ cột trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay?

- A. Đảng CS Việt Nam
-  B. Nhà nước XHCN
- C. Mặt trận tổ quốc
- D. Các đoàn thể nhân dân

Câu 161: Phạm trù dân chủ được xem xét dưới góc độ nào?

-  A. Chính trị
- B. Lịch sử
- C. Văn hoá
- D. Cả a, b và c

Câu 162: Hệ thống chính trị ở Việt Nam ra đời từ khi nào?

- A. 1930
-  B. 1946
- C. 1954
- D. 1975

Câu 163: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Nhà nước XHCN vừa có bản chất giai cấp CN, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính.....sâu sắc.

- A. Giai cấp
- B. Nhân đạo
-  C. Dân tộc
- D. Cộng đồng.

Câu 164: Bản chất của nhà nước XHCN là gì?

- A. Mang bản chất của giai cấp CN.
- B. Mang bản chất của đa số NDLD.
-  C. Mang bản chất của giai cấp CN, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.
- D. Vừa mang bản chất của giai cấp CN, vừa mang bản chất của NDLD và tính dân tộc sâu sắc.

Câu 165: Phương hướng cơ bản trong việc cải cách bộ máy hành chính ở Việt Nam hiện nay?

- A. Tổ chức bộ máy một cách chi tiết, bằng cách gia tăng số lượng các cơ quan các cấp để kịp thời giải quyết những vấn đề nhỏ nhất của đời sống.
- B. Tăng số lượng cán bộ công chức các cấp để bảo đảm giải quyết nhanh chóng sự vụ cho nhân dân.
-  C. Bố trí lại cơ cấu tổ chức chính phủ tinh gọn, năng động và quản lý vĩ mô có hiệu quả hơn.
- D. Đáp án a và b.

Câu 166: Theo chủ nghĩa Mác - Lênin : chuyên chính vô sản và dân chủ XHCN về căn bản là :

- A. Như nhau.
- B. Không mâu thuẫn.
- C. Đồng nhất
-  D. Thống nhất

Câu 167: Tính tất yếu của cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa là gì?

- A. Xuất phát từ cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa trong thời đại ngày nay
- B. Xuất phát từ sự đòi hỏi thay đổi phương thức sản xuất tinh thần
-  C. Xuất phát từ yêu cầu: Văn hóa là mục tiêu và động lực của quá trình xây dựng CNXH
- D. Cả a, b và c

Câu 168: Hệ tư tưởng XHCN được thể hiện tập trung ở đâu?

- A. Hệ thống chính sách chủ trương của đảng và nhà nước XHCN.
- B. Hệ thống tư tưởng của các cá nhân trong xã hội XHCN.
-  C. Toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.
- D. Cả ba đáp án a, b, c.

Câu 169: Vấn đề có tính nguyên tắc và là nhân tố có tính quyết định đến cách mạng văn hóa tư tưởng ở Việt nam trong giai đoạn hiện nay đi đúng định hướng XHCN là:

- A. Giáo dục hệ tư tưởng của giai cấp công nhân.
- B. Nâng cao trình độ dân trí và đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, phát triển khoa học công nghệ.
- C. Xây dựng nền văn hóa tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.



D. Tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng Cộng sản.

Câu 170: Nội dung nền tảng và cơ bản trong sự nghiệp cách mạng trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng ở Việt Nam trong thời kỳ qua độ lên CNXH là :

- A. Xây dựng nền dân chủ XHCN.
- B. Làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần XH.
- C. Bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống. Đồng thời tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn minh của nhân loại.
- D. Nâng cao trình độ dân trí và đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, phát triển khoa học công nghệ.



Câu 171: Trong năm 2007, lễ hội văn hóa nào của nước ta được nhà nước công nhận là quốc lễ và đã được nhân dân đồng tình ủng hộ?

- A. Lễ hội chùa Hương.
- B. Giỗ tổ Hùng Vương.
- C. Tết Nguyên tiêu
- D. Cả ba đáp án trên.



Câu 172: Gia đình là gì?

- A. Là một trong những hình thức tổ chức cơ bản trong đời sống cộng đồng của con người.
- B. Một thiết chế văn hóa-xã hội đặc thù.
- C. Được hình thành, tồn tại và phát triển trên quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục ... giữa các thành viên.



D. Bao gồm a, b, c.

Câu 173: Hôn nhân tiến bộ dựa trên cơ sở nào?

- A. Tình yêu
- B. Tự nguyện
- C. Hôn nhân 1 vợ 1 chồng



D. Cả a, b và c

Câu 174: Điều kiện và tiền đề kinh tế - XH để xây dựng gia đình trong CNXH là gì?



- A. Xóa bỏ chế tư hữu, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.
- B. Phát triển kinh tế - XH
- C. Nhà nước XHCN ban hành và thực hiện luật hôn nhân và nâng cao trình độ văn hóa và dân trí cho mọi người dân
- D. Cả a, b và c

Câu 175: Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ là hôn nhân được xây dựng chủ yếu dựa trên cơ sở nào?

- A. Quyền tự do kết hôn và ly hôn
- B. Tình yêu chân chính
- C. Tình cảm nam nữ



D. Kinh tế XHCN

Câu 176: Để thực hiện các quan hệ cơ bản nhất trong gia đình mới XHCN Ở Việt Nam cần phải tuân thủ nguyên tắc gì?

A. Đạo lý làm người.

B. Cùng có lợi.

C. Thỏa mãn những nhu cầu tâm sinh lý.



D. Bình đẳng, thương yêu và chia sẻ.

Câu 177: Là một trong những khuynh hướng tiêu cực trong quan hệ tình yêu trong lứa tuổi thanh niên ở nước ta hiện nay?

A. Ly hôn



B. Sống thử

C. Bạo hành gia đình

D. Đa thê

Câu 178: Quan hệ giữa lợi ích dân tộc với lợi ích của giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa xã hội:

A. Là mâu thuẫn

B. Là thống nhất



C. Là thống nhất về căn bản

D. Đồng nhất với nhau

Câu 179: Khái niệm nào sau đây được dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định được hình thành trong lịch sử trong một lãnh thổ nhất định, có chung mối liên hệ về kinh tế, ngôn ngữ và một nền văn hóa?

A. Bộ lạc



B. Dân tộc

C. Quốc gia

D. Bộ tộc

Câu 180: Nội dung cương lĩnh dân tộc của V.I.Lênin là:



A. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại.

B. Các dân tộc đoàn kết, bình đẳng và liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại.

C. Các dân tộc có quyền tự quyết, các dân tộc có quyền bình đẳng, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại.

D. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, tự quyết và liên hiệp công nhân các nước.

Câu 181: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh dân tộc mình, quyền tự quyết định chế độ chính trị - XH và.....phát triển dân tộc mình.

A. Cách thức



B. Con đường

C. Mục tiêu

D. Hình thức

Câu 182: Trong các nội dung của quyền dân tộc tự quyết thì nội dung nào được coi là cơ bản nhất, tiên quyết nhất?



A. Tự quyết về chính trị

B. Tự quyết về kinh tế

C. Tự quyết về văn hoá

D. Tự quyết về lãnh thổ

Câu 183: Trong một quốc gia đa dân tộc thì vấn đề gì cần giải quyết được coi là có ý nghĩa cơ bản nhất để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc?.

- A. Ban hành hệ thống hiến pháp và pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- B. Chống tư tưởng phân biệt chủng tộc, kì thị chia rẽ dân tộc
- C. Nâng cao trình độ dân trí, văn hoá cho đồng bào



D. Xoá bỏ dần sự chênh lệch về mọi mặt giữa các dân tộc do lịch sử để lại

Câu 184: Chủ nghĩa Mác-Lênin đã thực hiện việc chuyển chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học thông qua việc xác định phạm trù nào?

- A. Đấu tranh giai cấp.
- B. Giá trị thặng dư.



C. Sức mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

D. Cả ba đáp án trên đều sai.

Câu 185: Lực lượng chủ yếu thực hiện công tác tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

A. Giai cấp nông dân.



B. Tầng lớp trí thức đã được giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin.

C. Dân nghèo thành thị.

D. Bao gồm cả ba đáp trên.

Câu 186: Đây là cơ sở lý luận chủ yếu để C. Mác và Ph.Ăngghen dự đoán sự ra đời tất yếu của hình thái kinh tế-xã hội Cộng sản chủ nghĩa?

- A. Học thuyết về đấu tranh giai cấp.
- B. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội.
- C. Lý luận về cách mạng xã hội.



D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 187: Nguyên nhân nào dẫn đến sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu?

- A. Quan niệm và vận dụng không đúng đắn về CNXH
- B. Những sai lầm của đảng và của những người lãnh đạo cấp cao nhất ĐCS Liên Xô.
- C. Sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bằng “Diễn biến hòa bình”



D. Cả a, b và c đều đúng

Câu 188: Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là?

A. Là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực



B. Sự sụp đổ của một mô hình của chủ nghĩa xã hội trong quá trình đi tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

C. Là sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác - Lênin.

D. cả ba đáp án đều sai.

Câu 189: Thời đại mới – thời đại quá độ lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới bắt đầu từ:

A. Từ cách mạng tháng 2 năm 1917



B. Từ sau cách mạng Tháng 10 Nga năm 1917 thành công

C. Từ khi bắt đầu thực hiện chính sách kinh tế mới (NEP) 1921

D. Từ sau khi Liên Xô kết thúc thời kỳ quá độ

Câu 190: Thực chất của TKQĐ lên CNXH là gì?

A. Là cuộc cải biến cách mạng về kinh tế

B. Là cuộc cải biến cách mạng về chính trị

C. Là cuộc cải biến cách mạng về tư tưởng và văn hóa

 D. Cả a, b, c

Câu 191: Quá trình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay có đặc điểm nào phù hợp với những xu thế chủ yếu của thời đại ngày nay?

A. Mở rộng quan hệ đối ngoại.

B. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

C. Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân do dân và vì dân.

 D. Cả ba đáp án a, b, c.

Câu 192: Những biểu hiện nào cho thấy những yếu tố nào của xã hội chủ nghĩa đã xuất hiện trong lòng xã hội tư bản?

A. Yếu tố của nền văn minh hậu công nghiệp, kinh tế tri thức nảy sinh và phát triển.

B. Tính chất xã hội của sở hữu ngày càng gia tăng; sự điều tiết của nhà nước đối với thị trường ngày càng hữu hiệu; tính nhân dân và xã hội của nhà nước tăng lên.

C. Những vấn đề phúc lợi xã hội và môi trường... ngày càng được giải quyết tốt hơn.

 D. Bao gồm ba đáp án trên.

Câu 193: Những điểm tương đồng giữa mô hình CNXH mà VN xây dựng với mô hình “CNXH của Vê-nê-xuê-la” là?

A. Về chính trị: nhân dân có trách nhiệm cùng tham gia quyết định vận mệnh của đất nước, tham gia vào công việc xây dựng một nhà nước pháp quyền, thực hiện công bằng xã hội.

B. Chủ trương thực hiện kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước và hợp tác xã nắm vai trò chủ đạo.

C. Chủ trương thực hiện phân phối công bằng của xã hội để giải quyết vấn đề bất bình đẳng và phân hoá xã hội

 D. bao gồm ba đáp án trên.

Câu 194: Là một nước thuộc khối XHCN hiện đang bị các nước tư bản (Mỹ, Nhật, Hàn Quốc...) công kích rất gay gắt, đó là quốc gia nào?

A. Cộng hòa XHCN Việt Nam

B. Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa

 C. Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên

D. Cộng hòa nhân dân Cu-ba

Câu 195: Ở Châu Âu quốc gia tư bản nào cũng đã được từng xem là một trong những “mô hình của CHXN”?

A. Hà lan

 B. Thụy Điển

C. Phần Lan

D. Thụy Sĩ

Câu 196: Tình cảnh của các nước Đông Âu thuộc khối XHCN cũ hiện nay như thế nào?

A. Đã trở thành các nước tư bản chủ nghĩa phát triển.

 B. Bị lệ thuộc khối NATO và các nước tư bản phát triển về kinh tế và chính trị.

- C. Đang có khuynh hướng xây dựng lại CNXH.
- D. Đang hợp tác để hình thành một liên minh đối trọng với NATO.

Câu 197: Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, bộ phận lý luận nào nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới – phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa?

A. Triết học Mác - Lênin.



B. Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

C. Chủ nghĩa xã hội khoa học.

D. Lý luận nhận thức.

Câu 198: Trong ba bộ phận lý luận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin, triết học có vai trò như thế nào?

A. Chỉ là những nghiên cứu khoa học đầu tiên của C.Mác.



B. Cơ sở lý luận, là thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho những bộ phận còn lại

C. Chỉ chuyên nghiên cứu về những vấn đề của giới tự nhiên.

D. Là vũ khí lý luận để chống lại những tư tưởng triết học khác.

Câu 199: Chọn đáp án đúng và điền vào chỗ trống hoàn thiện mệnh đề sau đây : Mục đích cuối cùng của chủ nghĩa Mác – Lênin là khoa học về sự nghiệp giải phóng, giải phóng khỏi chế độ áp bức, bóc lột và tiến tới giải phóng

A. Sự trỗi dậy của lực lượng sản xuất; nền sản xuất xã hội; sự lệ thuộc của con người đối với các thế lực tự nhiên

B. Giai cấp; nhân dân; nhân loại.



C. Giai cấp vô sản; nhân dân lao động; con người

D. Người lao động; xã hội; toàn thể giới.

Câu 200: Trong triết học Hêghen, C.Mác và Ph.Ăngghen đã phê phán và kế thừa nội dung nào là chủ yếu nhất?

A. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.

B. Triết học pháp quyền.

C. Mỹ học.



D. Phép biện chứng

Câu 201: Theo nhận xét của C.Mác, những hạn chế cơ bản cần phải khắc phục của chủ nghĩa xã hội không tưởng là?

A. Không luận chứng được một cách khoa học về bản chất của chủ nghĩa tư bản.

B. Không phát hiện được quy luật vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản.

C. Không nhận thức được vai trò, sứ mệnh của giai cấp công nhân với tư cách là lực lượng xã hội có khả năng xóa bỏ chủ nghĩa tư bản để xây dựng một xã hội bình đẳng, không có bóc lột.



D. Bao gồm cả ba đáp án trên.

Câu 202: Tại sao nói sự ra đời của chủ nghĩa Mác là hiện tượng hợp quy luật?

A. Đó là sản phẩm của tình hình kinh tế-xã hội những năm 40 của thế kỷ XIX.

B. Là sự tổng kết những giá trị của tri thức nhân loại thể hiện trong các lĩnh vực khoa học và cuộc sống

C. Là sản phẩm năng lực tư duy và tinh thần nhân văn của những người sáng lập ra nó.



D. Cả a, b, c .

Câu 203: Một trong những cống hiến quan trọng của V.I.Lênin về mặt thế giới quan nhằm bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới?

A. Đưa ra lý luận về chủ nghĩa tư bản nhà nước.

 B. Định nghĩa phạm trù vật chất.

C. Viết tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn phát triển tốt cùng của chủ nghĩa tư bản".

D. Nêu ra quan điểm về sự thống nhất giữa phép biện chứng, lôgic học và lý luận nhận thức.

Câu 204: Ý nghĩa thực tiễn cơ bản của việc học tập, nghiên cứu môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin?

A. Nắm vững những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin.

B. Hiểu rõ cơ sở lý luận quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nền tảng tư tưởng của Đảng.

 C. Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng cho nhân dân; vận dụng sáng tạo nó trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, trong rèn luyện và tu dưỡng đạo đức.

D. Nắm vững những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin; hiểu rõ cơ sở lý luận quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nền tảng tư tưởng của Đảng.

Câu 205: Triết học là gì?

 A. Khoa học lý luận nghiên cứu những vấn đề chung nhất của giới tự nhiên, của xã hội và con người, mối quan hệ của con người nói chung, của tư duy con người nói riêng với thế giới xung quanh.

B. Toàn bộ những quan niệm về thế giới, về vị trí của con người trong thế giới đó, về chính bản thân và cuộc sống của con người và loài người

C. Khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy.

D. Cả a, b, c

Câu 206: Tổng kết toàn bộ lịch sử triết học nhân loại, Ph. Ăngghen đã khái quát: "Vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện đại, là vấn đề quan hệ giữa ... với ...". Chọn phương án thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thiện nhận định trên?

A. Tư tưởng ; hiện thực

 B. Tư duy ; tồn tại

C. Vật chất ; ý thức

D. Vật chất ; nhận thức

Câu 207: Chủ nghĩa duy vật có những hình thức cơ bản nào?

 A. Chủ nghĩa duy vật chất phác ; chủ nghĩa duy vật máy móc, siêu hình; chủ nghĩa duy vật biện chứng

B. Chủ nghĩa duy vật duy cảm, chủ nghĩa duy vật duy lý, chủ nghĩa duy vật siêu hình

C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa duy vật duy cảm

D. Chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật tầm thường, chủ nghĩa duy vật kinh tế.

Câu 208: Đây là hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật?

A. Chủ nghĩa duy vật chất phác, ngây thơ

B. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

 C. Chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác – Lênin.

D. Chủ nghĩa duy vật tầm thường

Câu 209: Vai trò của chủ nghĩa duy vật biện chứng là gì?

A. Cung cấp công cụ vĩ đại cho hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng

B. Sáng tạo ra một khuynh hướng triết học mới

C. Đấu tranh chống thần học, tôn giáo

 D. Cả a, b, c.

Câu 210: Đặc điểm chung của quan niệm duy vật về vật chất thời cổ đại là gì?

- A. Đồng nhất vật chất với giới tự nhiên
- B. Đồng nhất vật chất với những hiện tượng siêu nhiên
- C. Đồng nhất vật chất với vận động

 D. Đồng nhất vật chất với vật thể

Câu 211: Định nghĩa về vật chất của V. I. Lênin có ý nghĩa gì?

- A. Khắc phục được hạn chế trong quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật cũ.
- B. Tạo lập cơ sở lý luận cho việc xây dựng quan điểm duy vật về lịch sử
- C. Khắc phục được những hạn chế duy tâm trong quan niệm về lịch sử của chủ nghĩa duy vật trước Mác

 D. Cả a, b, c.

Câu 212: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, phương thức tồn tại của vật chất là:

- A. Biến đổi
-  B. Vận động
- C. Năng động
- D. Phát triển

Câu 213: Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vận động?

- A. Có vật chất không vận động
- B. Có vận động thuần túy ngoài vật chất
- C. Có vận động siêu nhiên
-  D. Không thể có vật chất không vận động và không thể có vận động ngoài vật chất

Câu 214: Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về không gian, thời gian?

- A. Không gian và thời gian tồn tại thuần túy ngoài vật chất
-  B. Không gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất, không tách rời vật chất
- C. Không gian và thời gian là do thói quen của con người quy định
- D. Không gian và thời gian phụ thuộc vào cảm giác của con người

Câu 215: Theo chủ nghĩa Mác-Lênin, hình thức phản ánh đơn giản nhất là :

- A. Phản ánh sinh học
-  B. Phản ánh vật lý, hóa học
- C. Phản ánh tâm lý
- D. Phản ánh cơ học

Câu 216: Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đâu là nguồn gốc xã hội của ý thức?

- A. Lao động và khoa học
-  B. Lao động và ngôn ngữ
- C. Ngôn ngữ và tư duy

D. Ngôn ngữ và khoa học

Câu 217: Nội dung nào là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vai trò của ý thức đối với vật chất?

A. Ý thức không thể tác động trở lại vật chất



B. Ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn

C. Ý thức trực tiếp tạo ra thế giới vật chất

D. Ý thức trực tiếp thay đổi thế giới vật chất

Câu 218: Ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ việc nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức?

A. Chống lại bệnh chủ quan duy ý chí

B. Chống lại chủ nghĩa kinh nghiệm

C. Chống lại thói bảo thủ, trì trệ, thụ động



D. Cả a, b, c.

Câu 219: Tư duy biện chứng xem xét các sự vật hiện tượng trong thế giới có quan hệ với nhau như thế nào?

A. Là những gì bí ẩn, ngẫu nhiên, hỗn độn, không tuân theo một quy luật nào, và con người không thể nào phân biệt được mọi sự tồn tại và vận động của chúng



B. Có mối liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau. Do đó chúng vận động, biến đổi và phát triển không ngừng do những nguyên nhân tự thân tuân theo những quy luật tất yếu khách quan.

C. Tồn tại cô lập, tĩnh tại không vận động và phát triển, hoặc nếu có vận động thì chỉ là sự dịch chuyển vị trí trong không gian và thời gian do những nguyên nhân bên ngoài.

D. Kết quả sự sáng tạo của một thế lực siêu tự nhiên thần bí. Do đó mọi sự tồn tại và biến đổi của chúng là do những tác động từ những nguyên nhân thần bí.

Câu 220: Tính khoa học và cách mạng rõ nét nhất của phép biện chứng duy vật Mác-Lênin thể hiện ở:

A. Chứng minh được nguồn gốc và động lực của mọi sự phát triển của xã hội.

B. Là công cụ khoa học nhất để nhận thức thế giới.

C. Xác định triết học là khoa học của mọi khoa học.



D. Không dừng lại ở sự giải thích thế giới mà còn là công cụ để nhận thức và cải tạo thế giới.

Câu 221: Cần phải quán triệt quan điểm gì trong việc tìm hiểu nguyên lý về mối liên hệ phổ biến của triết học Mác-Lênin?

A. Quan điểm lịch sử - cụ thể

B. Quan điểm phát triển.

C. Quan điểm toàn diện.



D. Cả a, c.

Câu 222: Nguyên lý về sự phát triển theo quan điểm của triết học Mác-Lênin:

A. Phát triển là một quá trình tiến lên liên tục trơn tru, không có những bước quanh co phức tạp không có mâu thuẫn

B. Sự phát triển do tác động của những thế lực siêu tự nhiên thần bí tôn giáo hoặc của ý thức nói chung.



C. Phát triển là một trường hợp đặc biệt của sự vận động. Là một quá trình vận động biến đổi từ chất cũ sang chất mới. Là kết quả của một quá trình đấu tranh giữa các mặt đối lập bên trong các sự vật hiện tượng của thế giới hiện thực khách quan.

D. Cả a, b, c.

Câu 223: Định nghĩa phạm trù “nguyên nhân” theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin?



A. Dùng để chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau và gây nên một sự biến đổi nhất định

B. Dùng để chỉ những sự vật hiện tượng tạo nên những tác động gây nên một sự biến đổi nhất định.

- C. Dùng để chỉ những qui trình có trước về mặt thời gian so với một biến cố nào đó.
- D. Dùng để chỉ những qui trình có trước về mặt thời gian so với một biến cố nào đó. Những biến đổi xuất hiện do sự tác động giữa các mặt, các yếu tố trong một sự vật, hiện tượng, hoặc giữa các sự vật, hiện tượng gây nên.

Câu 224: Đây là một trong những qui luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hóa?

- A. Qui luật đấu tranh giai cấp
- B. Qui luật về sự phát triển của khoa học công nghệ
-  C. Qui luật giá trị
- D. Cả a, b, c.

Câu 225: Ý nghĩa phương pháp luận của việc tìm hiểu quy luật mâu thuẫn?

- A. Trong nhận thức và hoạt động thực tiễn cần phải tôn trọng mâu thuẫn, phát hiện mâu thuẫn, phân tích đầy đủ các mặt đối lập, nắm được bản chất, nguồn gốc, khuynh hướng của sự vận động và phát triển.
- B. Phân biệt đúng vai trò, vị trí của các loại mâu thuẫn trong từng hoàn cảnh, điều kiện nhất định, những đặc điểm của mâu thuẫn đó để tìm ra phương pháp giải quyết từng loại mâu thuẫn một cách đúng đắn nhất
- C. Không được vì mục đích chủ quan mà dung hòa mâu thuẫn, xóa nhòa mâu thuẫn.

 D. Cả a, b, c.

Câu 226: Theo quan niệm của chủ nghĩa Mác- Lênin, các hình thức nhận thức cảm tính gồm?

- A. Cảm giác, tình cảm, tri giác.
-  B. Cảm giác, tri giác, biểu tượng.
- C. Kinh nghiệm, tình cảm, lý tính.
- D. Nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận.

Câu 227: Khái niệm là gì?

- A. Những thuật ngữ của con người để mô tả sự vật hoặc để trao đổi thông tin.
- B. Là hình thức tiên thiên, vốn có trước khi con người xuất hiện.
-  C. Là hình thức cơ bản của nhận thức lý tính, phản ánh những đặc tính bản chất của sự vật.
- D. Cả a, b, c.

Câu 228: Cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của xã hội là:

- A. Khoa học công nghệ
-  B. Sản xuất vật chất
- C. Môi trường tự nhiên
- D. Văn học nghệ thuật

Câu 229: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, khái niệm nào dùng để chỉ sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất?

-  A. Phương thức sản xuất
- B. Hình thái kinh tế xã hội
- C. Cơ sở hạ tầng
- D. Kiến trúc thượng tầng

Câu 230: Kết cấu của phương thức sản xuất bao gồm?

- A. Lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng

- B. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
-  C. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- D. Cơ sở hạ tầng và lực lượng sản xuất

Câu 231: Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, lực lượng sản xuất được hiểu là?

- A. Toàn bộ các nhân tố vật chất, kỹ thuật của quá trình sản xuất, chúng tồn tại trong mối quan hệ biện chứng với nhau tạo ra sức sản xuất.
- B. Sự thống nhất của người lao động và tư liệu sản xuất trong quá trình sản xuất vật chất.
- C. Tạo ra năng lực thực tiễn làm biến đổi các đối tượng vật chất của giới tự nhiên theo nhu cầu nhất định của con người và xã hội
-  D. Cả a, b, c.

Câu 232: Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất. Nếu xét theo lập trường duy vật, quan hệ này có tính chất như thế nào?

- A. Tồn tại chủ quan, bị quy định bởi người lãnh đạo các cơ sở sản xuất
- B. Tồn tại chủ quan, bị chi phối bởi chế độ chính trị xã hội
- C. Chỉ tồn tại khách quan trong trong các phương thức sản xuất có chế độ người bóc lột người
-  D. Tồn tại khách quan, độc lập với ý thức và không phụ thuộc vào ý thức của con người

Câu 233: Thực chất của chủ trương thực hiện nhất quán cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay là gì?

-  A. Đó là sự vận dụng đúng đắn quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất
- B. Để hội nhập kinh tế quốc tế
- C. Để thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất
- D. Để phát triển quan hệ sản xuất mới

Câu 234: 26. Phạm trù nào dùng để chỉ: "Toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị và những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực đó". (C. Mác)?

- A. Kiến trúc thượng tầng
-  B. Cơ sở hạ tầng
- C. Hình thái kinh tế xã hội
- D. Hình thái ý thức xã hội

Câu 235: Đáp án nào sau đây phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng?

- A. Kiến trúc thượng tầng chịu sự chi phối, quyết định hoàn toàn của cơ sở hạ tầng, cơ sở hạ tầng nào sinh ra kiến trúc thượng tầng ấy
- B. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là hai mặt của đời sống xã hội, song hai mặt này không có mối quan hệ ràng buộc, quy định lẫn nhau
- C. Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng, cơ sở hạ tầng được hình thành trên một kiến trúc thượng tầng nhất định
-  D. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, song đến lượt nó, kiến trúc thượng tầng cũng có sự tác động trở lại đối với cơ sở hạ tầng

Câu 236: Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng được thể hiện ở mặt nào sau đây?

- A. Cơ sở hạ tầng nào thì kiến trúc thượng tầng đó
- B. Tính chất của kiến trúc thượng tầng là do tính chất của cơ sở hạ tầng quyết định
- C. Trong xã hội có giai cấp, giai cấp nào thống trị về kinh tế thì cũng chiếm địa vị thống trị về chính trị và tất cả mặt khác của đời sống tinh thần xã hội

 D. Cả a, b, c.

Câu 237: C. Mác viết: "Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên". Luận điểm này của C. Mác được hiểu như thế nào?

- A. Sự phát triển của các hình thái – kinh tế xã hội cũng giống như sự phát triển của tự nhiên, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người
- B. Sự phát triển của các hình thái – kinh tế xã hội là tuân theo tuần tự phát triển của lịch sử xã hội loài người từ thấp đến cao
- C. Sự phát triển của các hình thái – kinh tế xã hội chỉ bị chi phối bởi quy luật xã hội.

 D. Sự phát triển của các hình thái – kinh tế xã hội ngoài tuân theo các quy luật khách quan chung, còn bị chi phối bởi các điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc

Câu 238: Chọn đáp án đúng và điền vào chỗ trống hoàn thiện mệnh đề sau đây: "Tồn tại xã hội là toàn bộ ... và những điều kiện ... của xã hội".

-  A. Sinh hoạt vật chất
- B. Sinh hoạt tinh thần
 - C. Hoạt động sản xuất
 - D. Sinh hoạt vật chất và sinh hoạt tinh thần

Câu 239: Quan điểm của triết học Mác-Lênin về ý thức tôn giáo?

- A. Sự phản ánh của con người về một thế giới thần thánh, siêu nhiên.

 B. Sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc của con người về những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hằng ngày của họ.

- C. Sự phản ánh của con người về những lực lượng ở bên ngoài áp chế cuộc sống hằng ngày của họ.

- D. Là sự thăng hoa của trí tưởng tượng của con người về một thế giới siêu tự nhiên.

Câu 240: Theo quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, dạng ý thức nào là những tư tưởng, quan điểm đã được hệ thống hoá, khái quát hoá thành các học thuyết xã hội, được trình bày dưới dạng những khái niệm, phạm trù, quy luật?

- A. Ý thức thông thường

 B. Ý thức lý luận

- C. Tâm lý xã hội

- D. Hệ tư tưởng

Câu 241: Đáp án nào sau đây phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội?

- A. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, ý thức xã hội là sự phản ánh của tồn tại xã hội, phụ thuộc vào tồn tại xã hội

- B. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội, đặc điểm của tồn tại xã hội như thế nào là do ý thức xã hội quy định, thông qua ý thức xã hội để hình thành và phát triển

- C. Ý thức xã hội là sự phản ánh của tồn tại xã hội một cách thụ động, tồn tại xã hội như thế nào thì được phản ánh qua ý thức xã hội như thế ấy

 D. Ý thức xã hội là sự phản ánh của tồn tại xã hội, phụ thuộc vào tồn tại xã hội, tuy nhiên ý thức xã hội cũng có tính độc lập tương đối trong mối quan hệ với tồn tại xã hội

Câu 242: Biểu hiện "trọng nam khinh nữ" trong xã hội Việt Nam thể hiện tính chất nào về sự độc lập tương đối của ý thức xã hội?

- A. Tính vượt trước

- B. Tính kế thừa

 C. Tính lạc hậu

- D. Tính độc lập

Câu 243: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, giai cấp là phạm trù kinh tế - xã hội có tính lịch sử, luận điểm đó được hiểu như thế nào?

- A. Giai cấp đơn thuần là một phạm trù xã hội thông thường dùng để chỉ những tập đoàn người có địa vị khác nhau của xã hội trong một giai đoạn lịch sử nhất định
- B. Giai cấp là một phạm trù triết học dùng để chỉ những tập đoàn người có địa vị khác nhau của xã hội trong mọi giai đoạn lịch sử
- C. Mỗi hệ thống giai cấp đều có tính lịch sử xã hội, nó xuất hiện, tồn tại cùng với sự phát triển của lịch sử xã hội loài người



- D. Mỗi hệ thống giai cấp tương ứng với một hệ thống sản xuất xã hội, một phương thức sản xuất nhất định, và về bản chất, là thể thống nhất của các mặt đối lập

Câu 244: Thực chất của cách mạng xã hội là gì?

- A. Thay đổi thể chế chính trị này bằng thể chế chính trị khác
- B. Thay đổi thể chế kinh tế này bằng thể chế kinh tế khác
-  C. Thay đổi hình thái kinh tế - xã hội thấp lên hình thái kinh tế - xã hội cao hơn
- D. Thay đổi chế độ xã hội này bằng chế độ xã hội khác

Câu 245: ... Là lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội, trực tiếp tạo ra của cải vật chất, là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội. Là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng và là người sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần cho xã hội. Đây là khái niệm về lực lượng nào?

- A. Cá nhân
- B. Lãnh tụ
-  C. Quần chúng nhân dân
- D. Cá nhân kiệt xuất

Câu 246: Sản xuất hàng hóa là sản xuất để:

- A. Để bán
- B. Để trao đổi.
- C. Để tiêu dùng cho người khác.



- D. Cả a, b, c.

Câu 247: Hàng hóa là gì?

- A. Là sản phẩm của lao động.
- B. Có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.
- C. Đi vào tiêu dùng thông qua trao đổi, mua bán.



- D. Cả a, b, c.

Câu 248: Hai thuộc tính của hàng hóa là gì?

- A. Giá trị sử dụng và giá cả.
-  B. Giá trị sử dụng và giá trị.
- C. Giá trị và giá cả sản xuất.
- D. Giá trị và giá cả độc quyền.

Câu 249: Tác nhân nào khiến giá trị sử dụng của hàng hóa càng ngày càng tăng?



- A. Khoa học kỹ thuật.
- B. Nhu cầu gia tăng.
- C. Trình độ sử dụng vật phẩm càng cao.
- D. Sự bảo quản của người sử dụng.

Câu 250: Trong tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa thì lao động nào tạo ra giá trị sử dụng, lao động nào tạo ra giá trị?

-  A. Lao động cụ thể; lao động trừu tượng.
- B. Lao động giản đơn, lao động phức tạp.
- C. Lao động tư nhân, lao động xã hội.
- D. Lao động quá khứ, lao động sống.

Câu 251: Giá trị cá biệt của hàng hóa do yếu tố nào sau đây quyết định:

- A. Hao phí lao động trung bình của người sản xuất.
-  B. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất.
- C. Hao phí lao động của từng ngành quyết định.
- D. Cả a, b, c.

Câu 252: Lao động cụ thể là gì?

- A. Lao động chân tay.
- B. Lao động giản đơn
- C. Lao động giống nhau giữa các loại lao động
-  D. Lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của một nghề nhất định

Câu 253: Lao động trừu tượng là gì?

- A. Lao động được qua huấn luyện, đào tạo, lao động thành thạo
- B. Lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của một nghề nhất định
-  C. Sự hao phí sức thần kinh và sức cơ bắp nói chung của con người.
- D. Cả a, b, c.

Câu 254: Giá trị mới của sản phẩm do người lao động làm thuê tạo ra gồm các bộ phận nào?

- A. Giá trị sức lao động. (v)
- B. Giá trị thặng dư. (m)
-  C. Giá trị sức lao động và giá trị thặng dư. (v + m)
- D. Cả a, b, c.

Câu 255: Khi cường độ lao động tăng, giá trị tổng sản phẩm được tạo ra trong một đơn vị thời gian là:

- A. Không đổi
- B. Giảm
-  C. Tăng
- D. Có thể tăng hoặc giảm

Câu 256: Tăng cường độ lao động nghĩa là:

-  A. Tăng độ khẩn trương nặng nhọc trong lao động
- B. Tăng hiệu quả của lao động
- C. Tăng hiệu suất của lao động
- D. Cả a, b, c.

Câu 257: Tiền là gì?

- A. Hình thái phát triển cao nhất của giá trị.
- B. Vật ngang giá chung trong trao đổi hàng hóa.
- C. Thước đo của giá trị.



D. Cả a, b, c.

Câu 258: Lưu thông tiền tệ là:

- A. Di chuyển các quỹ tiền tệ trong nền kinh tế
- B. Sự vận động của tiền lấy trao đổi hàng hóa làm tiền đề
- C. Cho vay tiền tệ
- D. Là sự mua bán các quỹ tiền tệ



Câu 259: Muốn tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế, thì:

- A. Nâng cao chất lượng sản phẩm
- B. Giá trị của VN đồng giảm xuống
- C. Giảm thuế xuất khẩu cho hàng hóa



D. Cả a, b, c.

Câu 260: Yếu tố nào là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa?

- A. Giá trị trao đổi.
- B. Giá trị.



C. Giá cả.

D. Giá trị sử dụng.

Câu 261: Việc mở rộng qui mô cho tái sản xuất mở rộng tác động đối với sản lượng, việc làm, giá cả như thế nào?



- A. Sản lượng tăng, thất nghiệp giảm, giá cả giảm.
- B. Sản lượng tăng, thất nghiệp tăng, giá cả giảm.
- C. Sản lượng tăng, thất nghiệp giảm, giá cả tăng.
- D. Sản lượng giảm, thất nghiệp giảm, giá cả giảm.

Câu 262: Khi nào tiền tệ biến thành tư bản ?

- A. Có lượng tiền tệ đủ lớn
- B. Dùng tiền đầu tư vào sản xuất kinh doanh



C. Sức lao động trở thành hàng hóa

D. Dùng tiền để mua rẻ, bán đắt

Câu 263: Nhân tố nào là cơ bản thúc đẩy CNTB ra đời nhanh chóng ?

- A. Sự tác động của quy luật giá trị
- B. Những phát kiến về địa lý



C. Tích lũy nguyên thủy

D. Sức lao động biến thành hàng hóa

Câu 264: Điều kiện tất yếu để sức lao động trở thành hàng hóa là:

- A. Người lao động tự nguyện đi làm thuê
-  B. Người lao động được tự do thân thể và không có tư liệu sản xuất
- C. Người lao động có trình độ khoa học kỹ thuật
- D. Cả a, b, c.

Câu 265: Giá trị hàng hóa sức lao động gồm:

- A. Giá trị các tư liệu tiêu dùng để tái sản xuất sức lao động của công nhân và nuôi gia đình công nhân
- B. Chi phí để thỏa mãn các nhu cầu văn hóa, tinh thần
- C. Phí đào tạo người lao động
-  D. Cả a, b, c.

Câu 266: Quy luật giá trị thặng dư :

- A. Quy luật kinh tế cơ bản của các tập đoàn tư bản
-  B. Quy luật quyết định toàn bộ sự vận động của CNTB
- C. Quy luật làm tăng mâu thuẫn cơ bản của các nhà tư bản và tăng giá trị cá biệt của hàng hóa
- D. Cả 3 câu trên đều sai

Câu 267: Tư bản khả biến

- A. Là v
- B. Công nhân tiêu dùng vào mục đích cá nhân
- C. Tồn tại dưới hình thức tiền lương
-  D. Cả a, b, c.

Câu 268: Tiền công danh nghĩa:

- A. Là một số tiền biểu hiện đúng giá trị sức lao động
- B. Là giá cả của lao động
-  C. Là giá cả sức lao động
- D. Luôn thay đổi theo giá tư liệu sinh hoạt

Câu 269: Điều kiện để có tái sản xuất tư bản mở rộng:

- A. Quy mô tư bản khả biến phải lớn hơn trước
- B. Số công nhân phải nhiều hơn trước
-  C. Phải có tích lũy tư bản để tăng quy mô tư bản ứng trước
- D. Phải tổ chức lao động tốt hơn

Câu 270: Thực chất của quá trình tích lũy tư bản là gì ?

- A. Là quá trình mở rộng sản xuất của nhà tư bản
- B. Là nâng cao trình độ bóc lột sức lao động
- C. Là tăng năng suất lao động
-  D. Là tư bản hóa giá trị thặng dư

Câu 271: Thời gian sản xuất trong chu chuyển tư bản không gồm:

- A. Thời gian lao động
- B. Thời gian dự trữ sản xuất
-  C. Thời gian tiêu thụ hàng hóa
- D. Thời gian gián đoạn lao động

Câu 272: Cạnh tranh giữa các ngành sẽ dẫn đến:

-  A. Hình thành lợi nhuận bình quân và tỷ suất lợi nhuận bình quân giữa các ngành
- B. Hình thành giá trị xã hội
- C. Hình thành giá cả hàng hóa
- D. Hình thành lợi nhuận siêu ngạch

Câu 273: Nguồn gốc của lợi nhuận thương nghiệp dưới CNTB:

- A. Do lưu thông mà có
- B. Do bán hàng hóa cao hơn giá trị
-  C. Là một phần giá trị thặng dư được tạo ra trong sản xuất
- D. Do tiết kiệm chi phí vận chuyển

Câu 274: Mức độ giàu có của xã hội phụ thuộc chủ yếu vào:

- A. Tài nguyên thiên nhiên
- B. Trình độ khoa học công nghệ
-  C. Tổng sản phẩm quốc gia (GNP)
- D. Khối lượng sản phẩm thặng dư

Câu 275: Tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v) thuộc phạm trù tư bản nào ?

- A. Tư bản tiền tệ
-  B. Tư bản sản xuất
- C. Tư bản hàng hóa
- D. Tư bản lưu thông

Câu 276: Tư bản lưu động là:

- A. Sức lao động, nguyên vật liệu, nhiên liệu
- B. Tham gia từng phần vào sản xuất
- C. Giá trị của nó chuyển hết sang sản phẩm sau một chu kỳ sản xuất
-  D. Cả a, b, c.

Câu 277: Chọn ý đúng trong các nhận định dưới đây:

- A. Người bán và người mua sức lao động đều không bình đẳng về mặt pháp lý
-  B. Sức lao động được mua và bán theo quy luật giá trị
- C. Thị trường sức lao động chỉ được hình thành và phát triển trong phương thức sản xuất XHCN
- D. Cả a, b, c.

Câu 278: Chọn câu đúng về giá trị hàng hóa sau đây:

- A. Giá trị hàng hóa = $c + v + m$
- B. Giá trị hàng hóa = giá trị cũ + giá trị mới
- C. Giá trị hàng hóa = $k + p$
-  D. Cả a, b, c.

Câu 279: Nguồn gốc giá trị thặng dư siêu ngạch :

-  A. Tăng năng suất lao động cá biệt
- B. Tăng năng suất lao động xã hội
- C. Tăng năng suất lao động ngành
- D. Tăng năng suất lao động của từng người

Câu 280: Lợi tức:

- A. Số tiền trả cho quyền sử dụng vốn vay
- B. Tiền lời của vốn vay
-  C. Lợi nhuận bình quân do người đi vay trả cho người cho vay về quyền sử dụng vốn vay
- D. Tiền lãi do kinh doanh tiền

Câu 281: Địa tô TBCN là:

-  A. Một phần giá trị thặng dư do công nhân trong nông nghiệp tạo ra dưới chế độ tư bản
- B. Do sở hữu đất đai mà có
- C. Do màu mỡ của đất đai đem lại
- D. Do người nông dân tạo ra và nộp cho địa chủ.

Câu 282: Theo V.I. Lênin: “cạnh tranh tự do sinh ra tập trung sản xuất và tập trung sản xuất này, khi phát triển tới 1 giai đoạn nhất định lại dẫn tới....”. Chọn đáp án đúng và điền vào chỗ trống hoàn thiện mệnh đề trên:

- A. Khủng hoảng.
- B. Phá sản.
- C. Chủ nghĩa xã hội.
-  D. Độc quyền.

Câu 283: Là một quá trình kinh tế quyết định sự tích tụ và tập trung tư bản?

- A. Lao động xã hội.
-  B. Tích lũy tư bản
- C. Tái cấu trúc hệ thống tài chính tín dụng.
- D. Cả a, b, c.

Câu 284: Tại sao việc hình thành các công ty cổ phần lại tạo tiền đề cho sự ra đời các tổ chức độc quyền ?

- A. Dễ huy động vốn để tập trung tư bản.
- B. Hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng lên.
- C. Làm phát triển của hệ thống tín dụng tư bản chủ nghĩa .
-  D. Cả a, b, c

Câu 285: Các tổ chức độc quyền công nghiệp thâm nhập vào lĩnh vực ngân hàng bằng các biện pháp:

- A. Mua cổ phần của các ngân hàng lớn để chi phối hoạt động của ngân hàng
- B. Tự lập ngân hàng riêng để phục vụ cho mình.
- C. Cài người của mình vào các ngân hàng.
-  D. Cả a, b, c.

Câu 286: Bọn đầu sỏ tài chính thống trị nền kinh tế thông qua:

- A. Các tổ chức tài chính quốc tế.
-  B. Chế độ tham dự
- C. Chạy đua vũ trang và xâm chiếm thuộc địa
- D. Cả a, b, c

Câu 287: Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước nhằm mục đích gì?

-  A. Phục vụ lợi ích của các tổ chức độc quyền và cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản.
- B. Giúp nhà nước thâm tóm lợi nhuận của các nhà tư bản.
- C. Phát triển tính xã hội hóa quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- D. Tạo ra công cụ mới giúp chủ nghĩa tư bản chống lại sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Câu 288: Nhà nước tư sản dùng các công cụ chủ yếu nào để điều tiết kinh tế và thực hiện các chính sách kinh tế ?

- A. Hệ thống tài chính, tiền tệ.
- B. kế hoạch hoá hay chương trình hoá kinh tế
- C. các công cụ hành chính - pháp lý
-  D. Cả a, b, c

Câu 289: Phạm trù sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là phạm trù cơ bản của bộ phận nào trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin?

- A. Triết học Mác - Lênin
- B. Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- C. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng
-  D. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Câu 290: Cách mạng xã hội xã hội chủ nghĩa là?

- A. Là cuộc cách mạng về chính trị với nội dung chính là thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản
- B. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình để cải tạo xã hội cũ, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản
- C. Là cuộc cách mạng có sự biến đổi mang tính chất bước ngoặt và căn bản trong lĩnh vực đời sống xã hội
-  D. Bao gồm cả a & b

Câu 291: Sự kiện nào được coi là cột mốc đánh dấu Chủ nghĩa xã hội từ lý luận trở thành hiện thực?

- A. Công xã Pari năm 1871
-  B. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917
- C. Quốc tế III ra đời năm 1919
- D. Cả a, b, c đều sai

Câu 292: Cách mạng Tháng Mười Nga đã dùng bạo lực cách mạng để đánh đổ giai cấp nào?

- A. Giai cấp phong kiến địa chủ và tiểu tư sản
-  B. Giai cấp tư sản và giai cấp phong kiến địa chủ
- C. Giai cấp tư sản và tiểu tư sản
- D. Cả a, b, c đều sai

Câu 293: Từ năm 1918 đến năm 1921, để giải quyết những khó khăn trong nước, Đảng Cộng sản Nga đã đề ra chủ trương nào?

- A. Chính sách cộng sản thời chiến
- B. Quốc hữu hoá tài sản, tư liệu sản xuất quan trọng của tư bản độc quyền và đại địa chủ
- C. Chính sách kinh tế mới (NEP)
-  D. Tất cả a, b, c

Câu 294: Chủ nghĩa Mác ra đời vào khoảng thời gian nào?

- A. Những năm 40 của thế kỷ XVIII
-  B. Những năm 40 của thế kỷ XIX
- C. Những năm 40 của thế kỷ XX
- D. Cả a, b, c đều sai

Câu 295: Quốc tế I do ai sáng lập?

- A. C. Mác
- B. Ph. Ăngghen
-  C. C. Mác và Ăngghen
- D. V.I. Lênin

Câu 296: Tại sao nói chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết duy nhất tiến bộ và nhân văn?

- A. Học thuyết duy nhất nêu lên mục tiêu và con đường, lực lượng, phương pháp để đạt mục tiêu là giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.
- B. Đưa con người và tất cả dân tộc trên toàn thế giới phát triển toàn diện, bình đẳng, ấm no, tự do và hạnh phúc.
- C. Phù hợp với khát vọng tự nhiên của con người, đem lại hạnh phúc cho cộng đồng tất cả mọi người.
-  D. Cả a, b, c.

Câu 297: Trong việc vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin chúng ta phải tuân thủ nguyên tắc gì?

- A. Nắm vững bản chất từng nguyên lý, không nên giáo điều, trích dẫn máy móc mà không rõ thực chất của nó. Nêu cao tinh thần độc lập sáng tạo, kịp thời bổ sung và phát triển những vấn đề lý luận mới.
- B. Phải luôn nghiên cứu, tổng kết, lấy thực tiễn đất nước, xem xét kỹ bối cảnh quốc tế để phát triển lý luận.
- C. Phải luôn đấu tranh chống lại các luận điệu và thủ đoạn chống phá chủ nghĩa Mác - Lênin của các loại kẻ thù.
-  D. Cả a, b, c.

Câu 298: Ba dòng thác cách mạng của thời đại từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai là gì?

-  A. Phong trào xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân ở các nước tư bản
- B. Phong trào nông dân, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân ở các nước xã hội chủ nghĩa
- C. Phong trào nông dân, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân ở các nước tư bản
- D. Cả a, b, c đều sai

Câu 299: Tính chất nào của chân lý chỉ tính độc lập về nội dung phản ánh của nó đối với ý chí chủ quan của con người?

- A. Tính cụ thể
- B. Tính tuyệt đối.
- C. Tính tương đối
-  D. Tính khách quan

Câu 300: Một trong những biểu hiện rõ nét nhất cho thấy sự hùng mạnh về chính trị và quân sự của Liên Xô trong việc giải quyết những vấn đề quốc tế giai đoạn 1930 - 1945?

- A. Tham gia vào tổ chức Liên Hợp Quốc.
-  B. Liên Xô giữ vai trò quyết định đánh thắng chủ nghĩa Phát xít trong chiến tranh thế giới II (1939 - 1945).
- C. Góp phần hình thành phong trào không liên kết.
- D. Giúp các nước thuộc địa giành độc lập.